

Di-cảo Cụ Minh Viên Huỳnh-Thức-Kháng

**BỨC THƯ BÍ-MẬT
CỦA
CỤ HUỲNH-THỨC-KHÁNG
TRẢ LỜI
CỤ KỲ-NGOẠI-HẦU CƯỜNG ĐỂ
năm 1943**

(Lịch trình cách-mạng Việt Nam trong thời-kỳ thuộc Pháp)

Huế

ANH-MINH XUẤT-BẢN

1957

Lời Nhà Xuất Bản

BỨC THƯ BÍ MẬT CỦA CỤ HUỲNH THÚC KHÁNG TRẢ LỜI CỤ KỲ NGOẠI HẦU CƯỜNG ĐỂ NĂM 1943

Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, một bậc chí sĩ cách mạng, vượt cảnh phú quý an nhàn để theo lời kêu gọi của Cụ Phan Sào Nam, băng mình qua Nhật Bản năm 1906, hô hào cách mạng, quốc dân không ai không biết. Tiên Sinh đã du lịch khắp các nước Á-Âu và bỏ mình tại đất người năm 1951.

Nhớ ơn các bậc tiền bối hy sinh vì nước, chính phủ thể theo thiện ý của Ngô Tổng Thống, nên đã cho rước di cốt tiên sinh từ Nhật Bản về Huế ngày 12 tháng Giêng năm 1957, nêu cao tinh thần hy sinh vì dân tộc của Tiên Sinh.

Tiên Sinh nuôi chí bào cừu cho đến ngày cuối cùng mấy chục năm cũng như một ngày, sau khi Cụ Sào Nam bị bắt về nước, Tiên Sinh du lịch qua Âu Châu, rồi quay trở về Đông Kinh, tấm lòng ưu quốc không lúc nào nguôi. Những sự giao thông tin tức bí mật giữa Tiên Sinh với các Cụ Sào Nam, Huỳnh Thúc Kháng, nhờ nơi báo Tiếng Dân làm môi giới, với cái tên Nhật “Minami” người ngoài không làm gì được biết.

Năm 1943, nhân tình thế trong ngoài nước biến chuyển, Tiên Sinh từ Nhật gửi về cho Cụ Huỳnh Thúc Kháng một bức thư bằng Hán Văn (nhờ Tòa Lãnh Sự Nhật ở Huế chuyển giao),

nói về việc cứu nguy cho dân tộc, Cụ Huỳnh phúc đáp kể rõ tình hình hiện tại trong nước và trình bày những phương thuốc bổ cứu, nhờ ông Ishida, Phó Lãnh Sự Nhật lúc bấy giờ chuyển đạt (ông Ishida lúc này là Cố Vấn Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa ở Đông Kinh). Bức thư ấy, năm 1945 Cụ Huỳnh có dịch ra Quốc Văn và nhà in Tiếng Dân đã trích một đoạn xuất bản, còn toàn bản cáo chúng tôi thu giấu được cho tới ngày nay. Nay nhóm chính phủ Cộng Hòa Việt Nam rước di cốt Kỳ Ngoại Hầu Tiên Sinh về nước, chúng tôi cho ra bức thư này cùng một tài liệu quý báu về lịch trình cách mạng của dân tộc ta trong non nửa thế kỷ thuộc Pháp về trước, đồng thời được biết lòng hoài bảo và chỗ minh đạt của bậc chí sĩ lão thành (67tuổi) cùng sự hoạt động của Kỳ Ngoại Hầu Tiên Sinh không lúc nào ngừng. Còn về lịch sử Tiên Sinh chúng tôi đã cho ra quyển Cường Để năm 1951, và gần đây ông Tráng Liệt (trưởng nam Tiên Sinh), đã cho ra quyển Tự Truyện Tiên Sinh.

Bức thư này lúc bấy giờ nếu rủi tiết lộ vào mắt bọn thực dân, độc giả hẳn cũng biết số phận của tác giả đã ra thế nào.

Hạ Đình Dậu, 1957

Anh Minh

Lời Tựa

Tuổi già việc bận, cảnh nhộn người ồn, dưới ngọn đèn dầu lửa nhỏ xưa, thảo bức thư này trải trên một tuần mới xong. Ngồi kiểm lại thì thấy bót chỗ này gạch chỗ kia, rơm rác đầy trên mặt giấy. Khổ vì không có ngày giờ rảnh, không kịp sửa chữa nhuận chính lại. E rằng trả lời chậm trễ, phiền lòng trông đợi, vội vàng viết được một bản (chưa có bản khảo) dâng lên trình xem.

Tự biết văn nhiều hại chất, nhánh nhiều che gốc, không đủ đáp lại cho xứng đáng với cái thâm ý bậc cao minh đã dù lòng cúi hỏi đến, song có chút dám tin chắc là:

Đương giữa khoảng giao thừa mới cũ dở dứt dở mới này, lớp già tiêu mòn, ít ai nhắc lại việc cũ, lớp trẻ phù thảo thấy gần biết cạn, tin theo sách người ngoài một cách kinh suất (như sách người Pháp nói chuyện Việt Nam, chỉ thấy một mặt v.v...) đối với cận sử nước Việt Nam từ 80 năm lại đây cũng tình trạng hiện tại trong nước, không khỏi có chỗ ngăn che cách biệt không phù sự thực. Đồng bào trong nước, ngoài biển dễ lòng khảo sát, muốn hiểu rõ chân tướng bề trong như lối *"dê mất tìm nơi đồng nội"* của người xưa, thì những tài liệu đứt sót linh tinh góp lại trong bức thư này, không phải không có điều bổ ích chút đỉnh,

mà các quân tử nước Phù Tang có cùng ý muốn ấy hoặc có thể
cung một viên đá mài ngọc ở núi khác chẳng.

Ngày mồng một tháng giêng năm Quý Vị (5.2.1943)

Người viết thơ

Lão thơ sanh: **Minh Viên**

*** *Phụ giải nghĩa đề trên:*

Cụ Phan Thanh Giản, sau Nam Kỳ thất thủ, tự xưng là “*Hải
nhai lão thơ sanh*”, mà trong bản “*Việt Nam Vong Quốc Sử*”, Cụ
Phan Bội Châu xưng người ủy mạng cho đi, gọi là “*Quốc trung
trưởng giả*”. Vậy trong thơ này xưng hô “*Trưởng Giả*”, “*Thơ Sanh*”
là theo bậc tiên tẫn vậy.

ND

ĐOẠN THỨ NHẤT

(Kính đáp lời ủy vấn)

BỨC THƯ KÍNH ĐÁP LỜI ỦY VẤN CỦA VỊ TRƯỞNG GIẢ QUỐC BÀO NGOÀI BIỂN

*N*hục cho bức thư thăm hỏi ân cần và ủy thác tâm sự, tôi rất lấy làm cảm động và hồ thẹn.

Thư viết ở Đông Kinh ngày 15 tháng 6 dương lịch 1942 mà đến trung tuần tháng 12 âm lịch năm Giáp Ngọ mới đến tay tôi. Ở đời đường thủy, đường lục và trên không, điện tín truyền đi mau chóng như ngày nay mà dân tộc sa sút lại sau, người trong nước cùng người biển ngoài muốn thông nhau một cái tin, quanh co chậm trễ như thế, rõ là điều đáng buồn! Một tấm lòng đã soi nhau, dầu ngoài ngàn dặm, không khác gì gặp mặt, kính chúc Trưởng Giả gắng sức bảo trọng và chúc anh em tả hữu được khương hảo.

Vì mối quan hệ của tổ quốc, tiền đồ hạnh phúc của quốc dân cùng bạn thân giao với hai bậc đại lão ái quốc tiên thời (Cụ Sào Nam cùng Cụ Tây Hồ), mà Trưởng Giả cùng tôi có một duyên “*tương tri chưa gặp nhau*”, đến nay đã 38 năm! (từ năm 1901).

Trong mấy mươi năm ấy, một người thì tểch xa ngoài muôn dặm bể khơi, một người lại sa mình dưới địa ngục mấy tầng,

hình cách thể ngăn, tin tức không thông nhau. Kẻ sống sót trong vòng xiềng xích này, tự nghĩ trọn đời mãi thế, không mong có cái ngày mà hai bên cách mặt lại được giải lòng cùng nhau!

Nhịp đầu thành linh, ở Nam Kỳ có chuyện “*cáo quay đầu về đất cũ*” (Cụ Phan Châu Trinh ở Pháp 14 năm, về chết tại Sài Gòn năm 1926, lại thành linh ở Kinh Đô Huế có chuyện “chim trở về ở nhánh Nam” (Cụ Sào Nam trở về Bến Ngự). Nhân đó mới xây “*ổ kén buộc tầm*” ở đường Đông Ba (nay là đường Hàng Bè) Huế (Công ty nhà in và báo Tiếng Dân).

Trên mười mấy năm nay, ở giữa chỗ trời gai đất gốc, đầy mặt bụi đen, một trường say ngủ, lửa có hai lão đầu có đôi bạn lẻ loi, sớm chiều cùng qua lại nhau, mỗi lần nhắc lại chuyện cũ là mơ tưởng đến xứ bông lai, tấm thân khi nào cũng lẫn quẩn bên Trưởng Giả.

Bởi ngày nay mà nhớ lại ngày xưa, hai bạn già cùng nhau suy nghĩ, không có việc gì mó tay vào được, trừ ra có một việc là: Trong đám tro tàn giữ gìn một đóm lửa “*nhiệt thành ái quốc*” của đồng bào, mong kéo dài ra, có một ngày thối cháy lại, hoặc giả trời già theo như ý nguyện “*người Á Châu của người Á Châu*”, chống gậy lại sang nước Phù Tang, hỏi thăm bạn đồng bào liêu ngự bên ấy có còn ai không? Và dấu in móng Hồng như “*Bính Ngọ Hiên*”, mộ Trần Đông Phong, tấm bia Thiện Vũ Hỷ Thái Lang v.v...(Xem quyển “Tự Phán” của Cụ Sào Nam) để tỏ chút lòng

thành “*uống nước nhớ nguồn*”, ngoài ra không có hy vọng gì khác.

Rủi thay! Thời cơ vừa mới xoay thì Cụ Sào Nam bệnh già qua đời mà tôi thành lẻ loi chiếc bóng, trong cảnh mồ côi lại mồ côi thêm, một tiếng khóc dài gần đứt hơi thở, nghĩ rằng trong đời không còn kẻ tri âm. muốn đập nát đàn cầm đã mấy lần (1939, 40 và 41)

Đứng giữa lúc đầy trời đông sấm, bốn phía quanh hiu, tự khóc tự cười, dở sống dở chết, bỗng tiếp được thơ ngoài biển khơi từ nơi Trưởng Giả gửi đến. Rửa ta mở thư ra đọc đi đọc lại, giấy vẫn tình dài, mộng tượng nhìn thấy khối lòng ái quốc của Trưởng Giả, khẳng khái phát một cách nồng nàn, so với ngày mạo hiểm xuất dương, một chiếc thuyền tếch ngay sang nước Mặt Trời Mọc lúc xưa (1906) không kém chút nào, tôi lấy làm cảm xúc hết sức.

Tôn ý trong thơ, tôi đã lãnh được cả. Duy gọi tôi hai chữ “*Hiền Khanh*” cùng ủy thác mọi việc “liên lạc” và “*sào mui*” v.v...Tự xét tuổi già tài kém, không lấy gì đáp lại, lấy làm hổ thẹn, trước hết định giữ thái độ tịnh mặc, thầm nghĩ lòng suy một hồi lâu, một tia điểm sáng đâu trong đầu óc rọi ra, trông lên ngó xuống dưới một bóng đèn, tưởng tượng như có trăm vị thần linh ở trên, cùng vong hồn của ức muôn đời báo ái quốc, nhóm lại chung quanh mà ban lời mắng trách nghiêm trọng:

"Mây dầu bất tài cũng là một trái lớn còn sót sau mùa Đông, đối với nước Tổ cùng chung một giây quan hệ, huống gặp khoảng thời cơ *"ngàn đời một thuở"* này mà quên lãng cái nghĩa vụ một phần tử *"kẻ thất phu có trách nhiệm"* cùng *"bạn bè với đồng bào"* hay sao?"

Một tiếng sứ tử vừa gầm thì muôn mối ruột tằm đều bùng ra, không tự ngăn được, cầm bút viết những điều trong đáy lòng muốn nói, thay cho bức thơ trả lời, trộm dựa vào cái nghĩa *"cử những chỗ mày biết"* của Cụ Khổng Tử, một bầu máu nóng rưới ra mực đọng ngàn giòong. Hoàng Thiên Hậu Thổ hãy soi lòng cho. Ngủ chẳng? Điên dại chẳng? Có một điều được gì trong muôn ngàn điều chẳng? Tôi không tự biết, chỉ trông anh em đồng bào trong nước và ngoài biển cùng các bậc người quân tử nước Mặt Trời biết nước Việt Nam này còn có tên thơ sanh già là tôi, dung thứ chỗ nói điên cuồng nói quấy mà chọn lặt lấy những điều có thể chọn lặt được, tôi lấy làm mình cảm vô cùng.

ĐOẠN THỨ HAI

- *Tông đáp đại ý trong thơ*

Trong thơ có nói “*liên lạc*”, “*hy sanh*”, “*sào mủi*” cùng “*lạc quan*”, “*thái bình*” v.v...Tôi đối với tình hình nước ngoài cùng việc ngoài bể, bên kia sông, chưa hiểu rõ được bao, mà xem đi xem lại trong thơ của Trương Giả, hình như cách biệt nước nhà đã nhiều năm, đối với tình hình trong nước, không khỏi có chỗ ngăn lấp, hơn nữa bọn kia (người Pháp) sở trường cái ngôn “*thả mù tuôn mây*”, trăm cách che dấu sự thật, cái chân tướng ở trong không sao tỏ ra ngoài được. Xin nói thực trạng:

- *Dĩ vãng và hiện tại*

Hiện trong nước bọn tiên thời cũ còn sót lẻ tẻ như sao buổi mai, không kể bọn thay mặt đổi lòng, tức có kẻ sau trận đau rồi còn ghi nhớ sự đau, vẫn giữ tấm lòng như xưa, song vì hoàn cảnh ác liệt, sanh kế khuôn bức, nên nếu tạm được yên trước mắt là giữ lấy cái thái độ quan vọng. Tự trung cũng có đôi người chí khí còn quật cường như xưa mà tên họ đã ghi vào sổ đen, mang cái dấu vết hiềm nghi, thành ra cái quái vật đáng ghê tởm trong xã hội, không ai dám lại gần. Bởi thế hạng khá còn sót này, sánh khí bồi dưỡng chỉ lựa cái nóng tinh thần trống không, không có thực lực gì.

Đến như bọn tử trong trường học “*nô lệ*” đúc ra, lớp cao chiếm được cái địa vị “*quan lớn bổng nhiều*”, thôi thời dựa hơi lỗ

mũi kẻ khác, sợ được mất, nếu làm cách gì mà giữ được cái hà bao thì không việc gì mà không làm.

Thứ nữa bọn viết thuê nói mướn, mãi biện kế toán trong trường quan lại hay nhà buôn kiếm được cái ghế có bát cơm, đã lên mặt tự đắc ăn uống sung sướng, áo quần bảnh bao, ngoài bộ mặt “*văn minh*” ra không có tư tưởng gì.

Thứ nữa phần đông bọn tuổi trẻ biết gần những thuyết “*tự do bình đẳng*”, “*duy vật*” đã được thổi vào làm “*chủ nhân ông*” trong óc thời say đắm cái bã vật chất, tiên nhiệm lấy cái độc tiểu thuyết lãng mạn, xem luân lý như rơm rác, chê đạo đức là hủ mục, thậm nữa truyện phong tình phụng làm sách tổ truyền, tuồng trăng gió chuộng làm quốc túy, sẩy chân sẩy bước, nối gót nhau sa vào vực trụy lạc.

Trong đám thanh niên vẫn có một đôi phần tử ưu tú, bị cái phản động lực sau cuộc Âu chiến (1914-1918) xô đẩy, người thì nhận là tín đồ Mã Khắc Tư, kẻ thì xưng là học trò Lê-Ninh, mỗi người đều vỗ ngực phô là anh hùng, đồng chí khắp ngoài bốn biển, một làm với phong triều bề ngoài, hai là làm khiêu dục ở trong nước (có người Pháp thò tay vào cho bùng ra), theo mù chạy quấy, bị tội tù đày giết, gần nhốt vào một lưới mà quét sạch (1930-1936), có kẻ lọt ra ngoài lưới tội tù, đã trải qua sụp ngã nhiều phen, như giấc mộng mới tỉnh, dần dần quay đầu lại mà mù mờ ngơ ngác, chưa nhận ra đường nào mà đi.

Tình trạng dĩ vãng đại khái như đã nói trên.

Đến hiện tại lại càng sa, càng thấp hèn hơn nữa, vọt, banh khoe giỏi, xe đạp đua tài, đã là sự nghiệp anh hùng tốt bụng, mà ngoài ra không phải bàn nữa.

Đến cái thủ đoạn chia rẽ của người Pháp lại càng hiểm ác đáo để khiến cho cái khoảng giữa “*tân và cựu*”, “*già với trẻ*” cách biệt nhau thành cái hào rất sâu không sao gần gũi dung hợp được. Xem như Cụ Sào Nam về nước, trải trên mười mấy năm mà một chắc thân mồ coi vẫn mồ cô, chưa nói chuyện khác. Núi Ngu Sơn không phải không có cây tốt, mà nay trọc trơn như thế là do mấy mươi năm búa rìu của tay thợ ác hăng ngày chặt phá thành ra núi trọc đó. Vậy nên giữa hiện trạng nước Việt Nam ngày nay mà nói liên lạc nhân tài cũng như gieo giống lúa vào đám ruộng cỏ lán rậm rạp, tưới nước trong vào cái ao bùn rác chất chứa dơ bẩn, mà mong có hiệu quả trong mai chiều, dầu có người đàn bà khéo giỏi đến đâu, không gạo cũng không sao nấu ra cơm được.

Tình trạng dĩ vãng và hiện tại nói trên, kẻ thức giả đều than dài, không phải lời nói “*bi quan*” riêng một mình tôi, nên tôi không cần dấu che để dối bác Trưởng Giả. Song le đối với hiện tại và tương lai mà tôi trước sau vẫn ôm mối hy vọng cho đến một hơi thở còn ngày nào là nuôi ngày ấy, không chịu giữ cái thái độ “*tiêu cực*”. Vì theo chỗ suy trắc trong tâm não cùng một ít kinh nghiệm trên lịch sử, tôi có một có một điều xác tín mà ngày nay đã thấy trưng triệ:

“Nhân tài vì dùng mà sinh ra, vì không dùng mà tiêu diệt đi”.

Tôi tin các danh ngôn ấy đã lâu. Xưa nay bậc anh hùng tạo thời thế tạo nên cùng bọn anh hùng không tên trong rừng sâu, ngoài đồng nội, không xứ nào không có. Non sông Hồng Lạc này, núi cao nước sâu không hề thay đổi, khi thiên chất chứa ngày nay vẫn như xưa, dân tộc con Rồng cháu Tiên, chiếm cái vinh dự *“ngàn năm văn hiến”* trên lịch sử Á Đông, đánh quân Tống, đuổi quân Hồ Nguyên và đồng hóa cả dân tộc Chiêm Thành cùng Thủy Chân Lạp. Võ công oanh liệt và sức hấp dẫn mạnh mẽ là đường nào, trên sử sách còn chói soi như việc trước mắt. Con cháu giòng thần minh một mặt cùng truyền bá là người bỏ đi cả sao? Khốn vì hoàn cảnh ác liệt, không khí ô trọc độc hại bao bọc áp bức bốn phía chung quanh, bao nhiêu thứ giống tốt bị chặt phá vùi dập nên không trỗi lên được đấy thôi. Nếu một mai giữa đất bằng thanh không mà có một tiếng nổ đùng, hiện ra một trận gió to thổi bụi, sấm sét quét mây, làm cho non sông đổi sắc, yêu ma dẹp bóng, bao nhiêu hang hùm ổ rắn, hầm chuột ngách chồn, nường dựa ẩn núp trong và ngoài trên mấy mươi năm quét sạch sành sanh, thì vùng mặt trời dọi khắp một phía, muôn vật tươi sống, trận mưa đông rưới xuống, trăm bông đua nở. Dưới quyền trung ương chân chính đã thống nhất, người nước đều vui lòng ra dùng, kẻ mạnh ra sức, người khôn dâng mưu, theo tài mà dùng, tưởng cũng không thiếu. Duy cần nhất là tay chủ trì cùng một ít nhà cao cấp khoa học chuyên môn,

hoặc có thiếu người, mà đã là một phần tử trong vùng trật tự mới Đại Đông Á thì nhà Đại Nhật Bản giúp sức vào, tưởng không lẽ hẹp hòi gì với ta.

Điều tôi nói trên tuy là lời dự trắc theo ý kiến riêng tôi, song không phải là không có thực sự làm bằng chứng, trên mấy mươi năm nay, bao nhiêu bộ phận các cơ quan trọng yếu trong nước, đứng chỉ huy chẳng qua năm, ba người Âu, ngoài ra chia đường giúp sức, đa số đều là người nước Việt Nam chúng ta cả. Trong bọn ấy vẫn nhiều tay tránh Hồ, song không phải không có một số ít (rất ít) mình làm tôi Nhà Hán, mà lòng vẫn không quên nước Hán như Nguyễn Trọng Hiệp, Trần Đình Phác, gần đây như Nguyễn Hữu Bài v.v...dấu mình để chờ cơ hội, khổ vì ở dưới cái thế đè ép đã lâu và trung với áo cơm không làm saoặng, đành phải chịu vậy đó thôi.

Một mai mà có cuộc xoay chuyển, thay chầu đổi chợ thì nhân tài nước Sở mà nước Tần dùng, đại với nước Ngụy mà không với nước Tấn, xoay một cái trở nên người giỏi, đội quân dưới cờ Đại Thống Soái Quách Tử Nghi, dùng Lý Trung Bất thay chức Thống Soái mà cổ xúy đổi sắc, hiệu lệnh nghiêm minh, nghiêm nhiên thành một đạo quân mới tinh. Đó là cái chứng *“đổi tướng không đổi quân”*, gương trước rõ ràng, đó là nước cờ cơ cảnh nhứt trong cuộc, cũng là nước cờ trước nhất. Xưa nay trong khoảng đổi cũ thay mới, dùng oai hơn dùng ái mới làm nên việc (uy khắc quyền ái nãi hữu tể) mà trừ kẻ cừ khôi, tha kẻ hiệp

tùng, tự nhiên thu cái hiệu quả “*cỏ bồong sanh trong đám cây dâu, không cần đỡ mà nó tự đứng thẳng*” (bồong sanh tang trung, bất phù tự trực). Huống chi nhà binh lúc cầndầu kẻ tham kẻ trá cũng sai khiến được là việc thường. Duy cần yếu nhất là nước cờ “*cơ cảnh*” hạ cây cờ Nhà Triệu xuống mà dựng cây cờ Nhà Hán lên (thụ Hán xi dịch Triệu xi), phải tay thủ đoạn lão luyện mới làm nổi, không phải bọn người sanh sống không thạo việc binh mà làm được việc ấy.

Vả chẳng tôi còn có chỗ chưa hiểu là thuyết “*đứng mũi chịu sào*”. Xưa nay công việc hàng hải tất cần có tay thạo nghề, mà tài liệu nhu cầu trong tàu chính bị ra sao? Phương hướng tấn hành và địa điểm qua lại, hạ neo đổ bộ nơi nào? Chủ thuyền cùng tay lái phải trù tính trước mà bọn cầm sào đứng mũi nghe theo lệnh người chỉ huy. Vậy người trong tàu ấy phải không nói mà hiểu nhau mới mong nên việc. Không thế, sóng gió ngoài khơi, lối gành nơi lồi nơi sững, ẩn núp khó dò, mà nếu hiểu lầm một tý là sai một ly đi một dặm, di hại không phải là ít. Ba mươi năm lại đây đồng bào ta hy sinh vì nước đã nhiều phen không phải một lần, mà chỉ là chuyện “*hoa Quỳnh nở trong một chốc*” (Quỳnh ba nhất hiện). Tại sao? Chỉ tại trước việc không dự bị sẵn sàng cùng sau lưngkhông có gì làm hậu thuẫn. Nay xem như trong thơ đã nói thì thành toàn đã sẵn, kế hoạch đã định trước. Tôi đối với việc binh vẫn là người đứng ngoài cửa, không dám bàn suông trên mặt giấy, duy có công hiệu đôi câu danh

ngôn đời xưa: *“Biết mình biết người”* (tri kỷ tri bỉ) *“quân ra đúng luật”* (sư xuất dĩ luật). E lời sao có nhàm tai bậc cao minh chẳng.

• *Đáp đoạn cuối trong thơ*

Trong thơ, đoạn sau có bảo *“như yêu cầu điều gì cứ nói ngay, không ngại gì v.v...”*

Trước 30, 40 năm kia, đương lúc thế lực Âu Mỹ tràn ngập phương Đông. Việt Nam nước chúng ta nằm co dưới bàn chân sắt cường quyền người Pháp, bốn mặt màu đen, vượt biển ra ngoài lại là điều luật cấm rất nghiêm ngặt mà cuộc *“Nhật-Nga chiến tranh”* (1904), ảnh hưởng vang dội đến nước chúng ta, đã xác nhận Nhật Bản là vị cứu tinh có một không hai, sẽ cởi ách nô lệ Âu-Mỹ cho giống da vàng, tểch mình mạo hiểm, một chiếc thuyền vượt thẳng sang tận xứ Phù Tang, đem tình trạng thảm khổ nước nhà tỏ bày với Thượng quốc. Theo gương xưa như Thân Bao Tự, tôi nước Sở sang cầu cứu khóc nơi sân Vua Nhà Tần. Tuy thời cơ chưa đến, thêm chỗ quan hệ đến quốc tế, Nhà Tần chưa ca bài thơ Vô Y (có ý nói đồng tâm nhất trí) xuất viện binh giúp Sở, mà dưới địa ngục hắc ám mấy tầng được trở ra một sợi bóng sáng, người nước ta lần lượt nổi gót sang đất Phù Tang, phong triều Đông Học rung động khắp cả nước. Về việc tìm học lại được các nhà yết nhân cùng các quân tử Nippon giàu lòng hào hiệp, tán trợ khá nhiều, như Đạo Ôi Trùng Tín, Khuyển Dưỡng Nghị, Bá Nguyên Thiện Vũ Hỷ Thái Lang vân vân...các nhà danh nhân cùng cái tên *“Chấn Võ Học Hiệu”*, *“Đông Á Đồng*

Văn” in vào gân óc người Việt Nam chúng ta, đến nay còn bài nói nhắc nhở không dứt (xem Tự Phán).

Huống chi gần đây từ cuộc chiến tranh “Đại Đông Á” mở màn, mới một năm, bao nhiêu nơi căn cứ quân sự của Anh-Mỹ lần lượt quét sạch (Tân Gia Ba, Diên Điện, Phi Luật Tân, Nam Dương quần đảo v.v...) Đông Dương đất thuộc địa của Pháp, Hoàng Quân Nippon cũng đã chiếm các yếu điểm, chặn họng đê lưng, đại biểu Thiên Hoàng ở gần bên cạnh, vùng Mặt Trời với xứ Trường An này, chỉ trong gang tấc. Tôi một người dân Nam Việt, không phải cây đá, lòng nào giữ cái thái độ trầm mặc, dầu không như ngựa già nằm chuồng hý lên một tiếng, há lại khọng vì chỗ đau khổ của đồng bào một chết một sống, ngắc đầu lên kêu dài một hơi dài sao?

Song tôi sở dĩ trù trù thận trọng là vì từng đọc câu sử Nippon, phạm việc ngoại giao và quân sự, trước việc đã dự trù hẳn hoi, điều tra khảo sát, trăm việc không hỏ một điều gì. Nay đối với tình thế nước Việt Nam chúng tôi hẳn đã thấu rõ mười phần, xấp mấy điều biết của người nước chúng tôi. Vả lại tôi để lòng xét kỹ thái độ của nhà đại gia ngoại giao, quân nhân và chính trị Nippon về chính sách đối với Đông Dương, trong thời kỳ chiến cuộc kéo dài này, hình như còn giữ cái ý kiến “*duy trì hiện trạng*”, ý kiến tôi e không hợp thời, và hoặc giả có chỗ phòng ngại đến những quy trình đã dự định, nên tôi phải trịnh trọng không dám bày tỏ một cách đường đột.

Nay thì thời cơ đã bức xúc đến nơi, dân Việt Nam đã lâm vào cái tình cảnh nguy ngập không thể chờ đợi ngày nay ngày mai nữa. Ông già 67 tuổi đầu, ngọn đèn trước gió cùng tờ báo Tiếng Dân, gạo giầy cào kiệt, đình bản nay mai, đến sa vào cái tình thế *“gấp rút không thể chờ lâu”*, vừa tiếp được bức thư của Trương Giả, mấy điều trong não tôi bị xô đẩy một cách quá mạnh, bao nhiêu dấu vết đã in trong bộ não cả cũ lẫn mới đều hiện ra một trật, xin ráp thành tập bốn như dưới:

ĐOẠN THỨ BA

*X*ứ Việt Nam với vùng thanh vượng chung Đại Đông Á trên nền trật tự mới cùng thực trạng khốn khổ hiện tại.

(Dưới này có giới thuyết trước nên thanh minh: “Đông Pháp”, “Đông Dương” là danh từ người Pháp quen dùng gồm cả Lào, Cao Mên, Quảng Châu Loan vào trong, tôi, quốc dân nước Việt Nam xin nói nước Việt Nam).

Một cơn giận phùng dậy, đứng ra khai chiến với Anh-Mỹ, “*Trận Chiến Tranh Thái Bình Dương*” này, mục đích độc nhất là kiến trúc một nền trật tự mới Đại Đông Á giải phóng cái xiềng xích Anh-Mỹ cho các dân tộc Á Châu, lập thành “*Vùng thanh vượng chung*”. Huấn Lệnh Thiên Hoàng cùng các nhà yếu nhân đương cuộc các giới Đại Nhật Bản đã tuyên ngôn, nhân sĩ cả thế giới đều nghe biết, không chỉ dân giống da vàng Á Châu. Hơn nữa, cái phạm vi vùng thanh vượng chung Đại Đông Á mà nét bút đã vạch rõ, nước Việt Nam chúng ta ở trong phạm vi ấy, không điều gì nghi ngờ nữa. Mà điều cảm kích nhứt là từ tâm của Thiên Hoàng cùng thẳng toán của Hoàng Quân, đối với một cõi Đông Dương, chỉ dùng chiến lược ngoại giao mà không dùng võ lực, biện chiết trong tiệc trà chém rượu mà ngồi thu cái công hiệu mau chóng, “*không dành mà quân người chịu khuất phục*” khiến cho toàn cõi Việt Nam được ra ngoài vòng lửa binh và chiến tuyến, so với các xứ Phi Luật Tân, Diến Điện, Mã Lai v.v...là nơi trận địa, Việt Nam được có cái may phúc ấy rất lớn Dân Tộc

Việt Nam ngày sau này được làm một phần tử mạnh mẽ trong vùng thanh vượng chung Đại Đông Á, tiếng nhân *“lấy đức phục lòng người”* trên bộ sử sống còn của con Hồng cháu Lạc sau này sẽ ghi chữ lớn muôn đời không quên.

Tuy vậy, việc trên đời, không có cái gì gọi là toàn lợi tuyệt đối mà không có một điều hại cùng đi một bên, đây cũng là cái trường *“nên hư được mất”* trên lịch sử Đông Tây xưa nay vậy. Phi Luật Tân, Điện Điện, Mã Lai, các miền trận địa, binh hỏa đến đâu, gai gốc mọc ra đấy, dước mưa bom mây đạn vẫn không tránh khỏi thảm họa trong một khoảng thời gian. Song trải qua một cuộc võ lực chinh phục, dấm sét xếp oai, hoa cỏ đổi sắc, dưới chủ quyền độc nhất quân chính phủ, dân tộc bốn thổ hiện cùng các giới Nippon gần gũi, tùy sức đến đâu làm đến đó, người trí bày mưu, người mạnh dâng sức, cùng dang tay nhau bước lên con đường trật tự mới trong công cuộc *“cộng đồng phòng thủ, cộng đồng kiến trúc”* không có gì trở lực.

Xứ Việt Nam hiện tình lại khác thế, hiện cảnh xứ này đã lâm vào chỗ *“nửa trên sa xuống”* (bán thượng lạc hạ). Hoàng Quân đặt chân đến xứ này đã hai năm, mà cái khoảng giữa nhân dân Việt Nam cùng Hoàng Quân gần trong gang tấc mà cách xa như mấy lớp đèo ải núi non, khoảng ngăn rẽ ấy vạch một địa giới Hồng Cầu không vượt qua được. Tình thế nước Pháp kia như cục ung đã vỡ. Cái ổ đã vỡ thì trứng trong ổ ấy khó giữ cho trọn vẹn. Đối với xứ Đông Dương bên này, nêu cái khẩu

hiệu “Vichy”, “*phục hưng*” làm như tôn giáo, hằng ngày tuyên truyền cho đảng kéo lòng người trong lúc đã rời tán, cũng như cái chuông nặng muôn cân, treo dưới hòn đá lớn gập ghềnh sắp lặn trên dốc hãm, mà xa ngoài ngàn dặm, lấy một sợi chỉ to để dẫn lại, cái chuông chưa chuôi đồ đó, chỉ là vấn đề thời gian thôi (thuộc địa Pháp như Tân Thế Giới, Phi Châu, cái gương không xa).

Tuy vậy trên thể diện quốc tế chính phủ Đông Pháp nhờ có hiệp ước quân sự và kinh tế, còn “*duy trì hiện trạng*”, cội gốc đã khô đứt mà nhánh lá chưa có hại (bản thiện tiên bác, chi diệt vị hữu hại) uy quyền thế lực sẵn có từ xứ này, dùng vào công việc đối ngoại, áp bức đè đập giống dân Việt Nam hai bàn tay trắng này thì có thừa. Vả lại mượn cái cơ phòng thủ, trăm chước bóc lột ngàn cách che đậy bề ngoài trương tấm bảng “Pháp-Việt thân thiện” mà bề trong thì ngấm ngầm thực hành cái chiến lược “*cháy đất*”, dẻo xương lóc da, rán dầu ép mỡ, ngoài việc “*bủa vây bắt chim sẻ*”, đào hang tìm chuột không có cái gì gọi là chánh sách. Bởi thế, người Việt Nam ở dưới mấy lớp đè nén càng ngày càng nặng, khỏi vương cái họa chiến tranh, may không có vết thương tạm thời trước mắt mà khối thịt trong đáy lòng bị cắt nạo không biết là bao. Ở dưới dao thớt, cá thịt có còn là bao nhiêu đâu.

Theo như thực chứng kể trên, hiện trạng mà còn duy trì ngày nào là dân Việt Nam thêm một ngày khổ ách, người bệnh

da bọc xương, nằm rên trên giường đều trông mong cốt thiết nhất là nhờ tay danh y quốc thủ cứu đời giúp người, sớm sớm đủ lòng từ bi, cho một tể thuốc *“khi tử hoàn sanh”* mà thu cái kiệu trả ơn *“kết cỏ ngậm vành”* sau ngáy đã mạnh dậy. Như vậy may có giải thoát cái khổ này chẳng. Nếu không thế, thứ dân sống sót nửa mình Nhà Chu, cái hơi thừa ngấp ngỏi như cả phương đã nhọc, không có khí lực thu đủ làm phần tử kiện toàn trong vòng thanh vượng chung Đại Đông Á sau này, cái đó đã phần, mà trên con đường *“trật tự”* Đông Á mà Thượng quốc đương tấn hành, hoặc giả vì có *“bất triệt đế”*, biết đâu chắc cho điều bất trắc ý ngoại không xảy ra *“chơi ong có độc, nuôi hùm để họa”*, như điều lo xa của hiền triết phương Đông đã từng nói sao? (lý do sẽ nói sau).

Như điều bày tỏ trên, chính tôi đã phạm vào câu trong thơ Tưởng Giới đã nói: *“để người khác chịu phần hy sinh mà mình ngồi hưởng cái may phúc vô sự”*. Điều ấy giống như không nên cho người ngoài nghe biết, song tôi không dám che dối mà nói thực như thế, không phải tiếng kêu rên của người không đau đâu.

Hiện tình người nước Việt Nam ta ngày nay, như kiến xua tanh, như cá trong vạc sôi, như chim sô ná, như trâu ngựa mang ách ngậm hàm thiếc, lửa nóng phỏng da mà không biết đau, sấm sét đánh ngang đầu không biết sợ, tức gia cho cái tên *“cái nước tử bệnh”* không thể cứu chữa, vẫn không chối cãi được.

Song sở dĩ đến thế, đều do cái chánh sách “*diệt quốc*” rất mới cùng quỷ thuật “*tĩa giống tốt để thứ xấu*” cùng tay độc “*chinh hùm thuế rắn*” (chính hồ phú xà) gồm với không khi ô trọc ngộp thở un hằm mà thành hư hèn đến thế, chứ tuyệt nhiên không phải mặt mũi chân chính cùng tính chất cố hữu của dân tộc Việt Nam, tôi dám nói chắc thế.

Tôi là một người trong nước từ bệnh ấy, trên vai mười năm nay, hằng ngày cùng người bệnh gần gũi, nguyên do gây thành cái bệnh ấy, viễn nhân thế nào, cận nhân thế nào, cho đến tay bọn thầy lang đầu độc, phường phù thủy đồng bóng ếm bùa, thu hồn v.v...mắt thấy tai nghe kinh hồn khiếp vía, song tôi trước sau hy vọng “*sống lại*”, không giây phút nào quên lãng trong đáy lòng là vì cái điều đã nghiệm thấy trên 80 năm tại đây, trải qua biết bao nhiêu lầnhạo kiếp, mạng người trùn dế, sông núi tan tành, nhưng trái gốc sau mùa lạnh (trái giống sót nảy bỏ ra cây mùa xuân sau) tiêu rụng gần hết, mà cái giống “*cách mạng kháng Pháp*”, một mạch truyền nối nhau núp sâu dấu kín, hễ có cơ hội là bùng ra, lớp trước ngã xuống lớp sau trời lên, trước sau không khi nào dứt. Thử dở đoạn cận sử “*Việt Nam Pháp thuộc*”, quay đầu xem lại, tôi không sao không tuôn một bùm nước mắt đồng tình vì ức muôn vạn đồng bào dĩ vãng trôi mất vì nước mà lớn tiếng kêu nan, cũng vì đồng bào tương lai mà cung một tể thuốc phấn khởi tinh thần, đồng thời đánh đổ

cái y án “*Nước bệnh không chữa được*” mà chỉ rõ cái chứng thực
“*Chứng bệnh có thuốc chữa*”.

ĐOẠN THỨ TƯ

(Lịch sử cách mạng dưới thời Việt Nam Pháp thuộc (1853-1942 Nhâm Tý đến Quý Vị, cả thấy 80 năm)

Người không có nước mà bàn việc nước, đó là nỗi đau thương như kim châm vào lòng, mà càng đau hơn nữa là nhắc lại chuyện một nước “gặp nhau đừng nói câu đau xót, việc cũ buồn tanh chả muốn nghe”. Cái dĩ vãng như cái chết ngày hôm qua, nhắc lại giống không có chút bổ ích gì. Song muốn biết việc sau, cần phải xem việc trước, mà “Tịch Đàm vong tổ” (Tịch Đàm người Tấn đời Xuân Thu, qua nước Chu, Chu Vương hỏi lịch sử nước Tấn, y không biết, người ta chê y là người vong tổ) là cái thông bệnh của đồng bào ta. Vì thế không từ rườm tai phần đông, lược thuật một đoạn cận sử.

Từ ngọn triều Âu Tây tràn sang phương Đông người Pháp đặt chân đến giải đất hình chữ S này, đến nay đã 80 năm, Cao Mên, Ai Lao, nước nhỏ không phải nói, nước Việt Nam chúng ta nghiệm nhiên một dân tộc lớn, có tiếng là nước văn hiến tự chủ, có lịch sử và ngàn năm, nuôi cái đau nòi giống tiêu mòn, cưu mối lo đất nước chìm đắm, tuy mạnh được yếu thua, cái công lệ thiên diễn không chỗ tránh, mà cái giống cách mạng kháng Pháp hơn 80 năm nay, không khi nào dứt và có một thể lực ngấm ngầm vẫn theo thời thế mà diễn tấn, khi trời khi sụt, lúc ẩn lúc hiện, ngoài mặt trông cái hình như dứt như nổi, mà ở trong vẫn kế tiếp nhau như chỉ luồn dưới tro, rắn bò trong cỏ, rõ

ràng có cái dấu vết trước sau một mối, có thể chia làm bốn thời kỳ

THỜI KỲ THỨ NHẤT

(1854-1884)

Từ tàu binh nước Pháp bén mảng tới xứ này, đầu tiên tiếng súng nổ ở cửa biển Đà Nẵng và Cần Giờ thì phong trào nhương di sôi nổi khắp trong nước, triều dã trên dưới bồng bột cùng dậy. Nam Kỳ sáu Tỉnh thất thủ, Quan Kinh Lược Phan Thanh Giản tử tiết (1808), sĩ dân trong Nam khí lên chống với quân Pháp, danh tiếng lừng lẫy nhất là ông Trương Công Định, Hồ Huân Nghiệp, Phan Văn Đạt v.v....nghĩa sĩ trong Nam dựng cờ đồn lũy như mây tuôn nước nổi, kháng cự quân Pháp nơi nào cũng có (Ông Nguyễn Thông trong *"Kỳ Xuyên Văn Tập"* có chép truyện mấy nhà nghĩa sĩ, ông Đồ Chiểu có bài văn quốc âm tế nghĩa sĩ).

Kể đó chiến sự khởi ra ngoài Bắc, Thành Hà Nội hai lần thất thủ (lần thứ nhất năm 1873, lần thứ hai năm 1883), Quan Thành Trấn ông Nguyễn Tri Phương, ông Hoàng Diệu, trước sau giữ Thành cự với quân Pháp, Thành bị hãm, đều tử tiết không chịu nhục.

Từ đó sĩ phu Trung Bắc Kỳ, lòng trung phần bưng dậy, ngoài Bắc thì ông Nguyễn Cao (Tán Bắc) hổng việc mổ bụng tự tử, ông Nguyễn Thiện Thuật (Tán Đông) sau sang Tàu không chịu hàng Pháp, cùng Thông Binh Hoàng Tá Viêm hợp với Tướng quân Cờ Đen Tào Lưu Vĩnh Phúc đánh với quân Pháp, trận Lạng Sơn, Cầu Giấy giết được tướng cầm đầu (Henri Riviera chết trận năm

1873, Francis Garnier chết trận năm 1883, người Pháp có đúc tượng và bia kỷ niệm), trận oanh liệt trên làm cho quân Pháp xiểng liểng không dám khinh dễ quân Việt Nam.

Ngoài ra như Đặng Văn Thân ở Nghệ An, Hà Tĩnh (Trần Tấn, Dương Như Mai, Hoàng Phan Thái) bài hịch gọi là *“Hịch Văn Thân”* truyền tụng khắp trong nước, trong có những câu:

“Tưởng thuở thái bình tài vũ, bể Khuông tương để mặc khách thiên chung

Đến nay si dịch loạn hoa, lòng tiết nghĩa phải xướng lời lục quán...

Xưa cũng có Hồ Di Kiệt ngạo.

Trời lại sanh quân tử kinh luân

Lỗ Trọng Liên nghĩa bất đế Tần, phản nho giả mở lòng lo vũ trụ.

Văn Thừa Tướng trung thờ chúa Tống, bước lưu ly mà vai gánh cung thường”.

Giáo đồ thì Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Đức Hậu (Tây học mà thân Hán lòng Hán, Trường Tộ có mấy bài điều trần, Hậu có giao thiệp với người Anh ở Hương Cảng, tha dân ta bị bắt đem nhốt ở Hương Cảng.

Văn Thân thì ông Lê Tuân, ông Trần Hy Tăng ông bị vua vờ đi sứ sang Pháp thương thuyết cho trả Nam Kỳ lại, giảng hòa, biết việc không xong, thà ôm lòng trung với vua mà chết, uống thuốc tự tử, không chịu sang Pháp, cho là nhục. Cái tiếng *“Bình*

Tây! Bình Tây!” muôn miệng một lời, phong triều “*nhường di*” sôi nổi khắp trong nước (như thời kỳ “*nhường di*” bên Nhật Bản), chỉ tiếc một điều là thời đại “*bế quan tỏa cảng*”, người trong nước mù với việc nước ngoài cùng đại cuộc thế giới, chỉ biết độc nhứt là con đường cầu cứu với nước Tàu (thường năm phái công sứ sang Tàu, sang Hương Cảng cầu thông với nước Anh và phái Đại Thần Phạm Thận Duật cùng Nguyễn Thuật (không nên lộn với Cụ Nguyễn Thiện Thuật) sang Thiên Tân cùng Thủ Tướng Mãn Thanh Lý Hồng Chương thương nghị việc cầu viện và ngoại giao, các việc trọng yếu, nhưng vô hiệu về không. Mà đường đường một nước lớn như Trung Hoa, không giúp cho Việt Nam một viên đạn, một tay mồi côi không kêu gọi ai được, cho nên toàn bàn đều hỏng.

Đó là Việt Nam kháng Pháp về thời kỳ thứ nhất, con đẻ của tư tưởng trung quân và bài ngoại vậy.

THỜI KỲ THỨ HAI

(1884-1890)

Nam Bắc Kỳ hai xứ đã thất thủ, người Pháp đã dàn xếp thành cái trận thế “*rắn Thường Sơn*” (Thường sơn thế trận) đầu đuôi cũng hưởng ứng nhau, cứ trên cao mà đè xuống dưới. Việc nước Việt Nam không còn làm gì được nữa, người Pháp bèn oai bức Nam Triều nhận nước Pháp làm nước bảo hộ đồng thời bức Triều Đình Mãn Thanh thủ tiêu cái ấn nhận nước Việt Nam là thuộc quốc, bắt đầu Pháp-Việt cùng ký Hòa Ước năm 1884 mà toàn cả nước Việt Nam làm miếng thịt béo trên thớt người Pháp, ký ước giữa Quốc Đô, ghi một vết quốc sỉ cho Việt Nam ta, ngàn năm khó chùi rửa sạch.

Lúc bấy giờ Đại Tướng là ông Tôn Thất Thuyết rất giàu tư tưởng bài ngoại, trước sau kiên trì chủ nghĩa kháng chiến quân Pháp, bao nhiêu điều người Pháp yêu cầu phi lý, đều cự tuyệt cả.

Đến đêm 22 tháng 5 năm Ất Dậu (1885), ông cùng tay chiến tướng trứ danh là Đề Soạn và quân tinh nhuệ dưới tướng, đồng mưu đánh quân Pháp ở Huế. Giữa lúc triều nghi phân vân thì ông đã nhứt quyết làm theo định kiến của mình “*thà làm viên ngọc nát hơn làm tấm ngói toàn vẹn*” (**ninh vi ngọc toái, bất vi ngổa toàn**) sắp lưng vào thành, phang cho quân Pháp một trận như đánh bạc liều một keo cuối cùng. Vì đó mà nước ta có cái nạn “*Kinh Thành thất thủ*” năm Ất Dậu.

Kinh Thành thất thủ, ông Tường phò Vua Hàm Nghi chạy ra Cam Lộ, tờ chiếu Cần Vương ban ra, khắp cả nước phùng dậy, nào nghĩa binh, nào nghĩa hội nhóm dày như ong vỡ ổ. Những người trứ danh như:

a.- Phú Yên, Bình Định thì Mai Xuân Thưởng, Tăng Bạt Hổ, Nguyễn Trọng Tri (Mai Công tử nạn trong lúc Đốc Phủ Lộc đem quân Pháp trong Nam Kỳ ra tiểu, ông Tăng thoát thân sang Tàu, sau đó vào Xiêm La, nào nước Nga, nước Nhật đều có vết chân, ông Tăng lại có theo Lưu Vĩnh Phúc ở Đài Loan, kể ông ta bôn tẩu ở nước ngoài trên 20 năm làm một tay kiện tướng sống sót thời Cần Vương, đến nay Cụ Phan Bội Châu mạo hiểm sang Nhật Bản, chính Tăng Công làm người hướng đạo, do ông Nguyễn Thành (Tán Hàm) trù hoạch và định kế (1905). Năm sau Tăng về nước, đau chết tại đất Huế, Cụ Sào Nam có chép truyện Tăng có biệt hiệu Điền Bát. (*Xem “Tự Phán”*)

b.- Quảng Ngãi thì Cử Nhân Lê Trung Đình, Tú Tài Nguyễn Tân, Ấm Sinh Nguyễn Bá Loan (con Cụ Danh Thần Nguyễn Bá Nghi, làm tán tương hội Cần Vương, sau chết nạn cự thuế năm 1908). Cử Đình, Tú Tân chết về tay Nguyễn Thân (Tiểu Phủ Sứ), Lê Khiết tán tương tiệu nghĩa đảng Quảng Nam, sau lại làm tán tương theo Nguyễn Thân tiệu đảng Cụ Phan Đình Phùng ở Nghệ Tĩnh, rồi là đến Bố Chánh, bị bãi ở nhà, gặp phong triều tân học, có chịu khuynh hướng, nên chết về việc cự thuế, cũng là một chuyện thú.

c.- Quảng Nam thì ông Trần Ngọc Dư (Tấn Sĩ làm Sơn Phòng Sứ), ông Nguyễn Hiệu, Phan Bá Phiến, Nguyễn Thành (tức Tấn Hàm), Tú Đình, Phan Văn Bình (thân sinh Cụ Tây Hồ), Lê Vinh Huy, sau việc hồng đều chết với việc nghĩa, duy ông Nguyễn Thành nhà có mẹ già lại con một được khỏi chết, tiếm tám việc nước trên mười mấy năm, một nhà Cần Vương cựu đảng, kết giao bạn đồng chí sau làm một tay vận trù quyết sách trong cuộc “Đông Đô Nhật Bản” của Cụ Sào Nam chiếm một vị trí rất trọng yếu trong cả tân giới, cựu giới. Năm 1908 bị đày ra Côn Lôn rồi chết ngoài đảo, Cụ Sào Nam có làm truyện.

d.- Quảng Trị, Quảng Bình thì có ông Đoàn Chí Tuân (tức Bạch Xĩ). Lúc Vua Hàm Nghi chạy ra ngoài, có Dụ Cần Vương, Đoàn đến Sở Hành Tái hiến sách mà không được kiến dụng, bèn tự dựng một cờ trên miền Lào, không nhập vào phái nào. Đoàn gồm cả tài văn võ, thời ấy ít ai sánh mà làm việc không thành, sau bị tử nạn rõ là Vua Trần Thiệp trong dân nhà Tần vậy.

e.- Hà Tĩnh, Nghệ An thì các ông Phan Đình Phùng, Đinh Văn Chất, Nguyễn Xuân Ôn, Lê Ninh, Cao Thắng, Đội Chanh, Lãnh Đạt, Đốc Quỳnh v.v...

Ông Phan Đình Phùng chống với quân Pháp kéo dài trên 10 năm, Cao Thắng phỏng theo kiểu súng Tây, đúc được thứ súng tân thức, thường đánh bại quân Pháp, dừng mưu lại đánh giỏi, có tướng tài, dinh lũy đồn trại ở núi Vũ Quang, quân Pháp xem như kinh địch. Sau Cao, Phan chết đảng mới tan.

g.- Thanh Hóa thì các ông Tống Duy Tân, Phan Bành, Đinh Công Tráng, trận đánh ở Ba Đình, tiếng súng rung động các Tỉnh gần xa, là trận đánh kịch liệt có danh nhất trong nghĩa binh. Ba Đình bị vây cầm cự khá lâu, sau vì người chết nhiều quá, thầy nằm ngổn ngang, không nước uống, Đinh Công Tráng mới thoát thân ra ngoài vòng vây, thu góp tàn quân dựng toan cử binh lần khác.

h.- Bắc Kỳ thì ông Nguyễn Quang Bích, Võ Hữu Lợi, Tản Cao, Tán Thuật, Đốc Ngũ, Đốc Tích, Đề Kiêu, Đề Thám v.v...sau việc hồng, kẻ chết người sang Tàu. Duy ông Hoàng Hoa Thám (tức Đề Thám) hùng cứ miền Phồn Xương, về sơn phần An Thế, thường đánh giết quân Pháp, nghiêm nhiên thành một xu vực độc lập sau Việt Nam đã mất nước. Đường thiết lộ Hà Nội-Vân Nam thường bị quân ông ta phá hủy, người Pháp không sao làm được, bèn cùng ông giảng hòa, nhường một huyện An Thế cho ông làm trại đồn điền, như một nước địch. Cụ Sào Nam có cùng ông đính ước, cùng đảng cách mạng Nghệ Tĩnh làm y dõc. Đảng ông Tú Ngõn ở Nghệ, có ra đây lập một cái đồn để luyện quân, gọi là đồn Tú Nghệ. Sau vì quân giới ở ngoài không du nhập được quân Cần Vương chống với quân Pháp, ông Đề thám cầm cự dài đến 20 năm, sau Hoàng chết đồn mới tan.

Như trên lược kể nghĩa đảng Cần Vương gần thì hai ba năm, lâu thì mười năm, hai mươi năm, tuy quân khi không địch lại quân Pháp, tay không, không thể làm sao, mấy mươi vạn trung

thần nghĩa sĩ, chí sĩ nhân cùng đồng bào ái quốc đều dồn làm tiếng sấm nổ vang trời vùng biển Nam mà tan dần dần, song cái “*hồn tinh vệ lấp bể*”, cái “*độc ong bày mến ổ*”, khiến nước Pháp, một cường quốc đứng hàng thứ nhất bên Âu Châu không sao dựa gối cao mà ngủ yên giấc được. Sanh khí của đồng bào, nghĩa đảng kể trên, vẫn dồn chứa ngui ngoai trong vùng núi Hoành, biển Quế, đến nay còn chưa dứt kia.

Đây là thời kỳ cách mạng thứ hai, chính con đẻ của tư tưởng “*trung quốc cứu quốc*” phái Hán Học vậy.

THỜI KỲ THỨ BA

(1900-1920)

Tấn kịch “Cần Vương” diễn một độ khá lâu rồi hạ màn. Các ông Tôn Thất Thuyết, Đề Soạn chạy sang nước Tàu, bị an trí tại Triều Châu, ông Tán Thuật cũng sang Tàu, Vua Hàm Nghi bị bọn trành hồ dâng công cho quân Pháp, theo tìm dõn rết, bắt được, vua bị đày sang Phi Châu. Sau nhiều trận quét đường dầy cỏ, nghĩa đảng 10 phần rời rã đến bảy, tám vua cũ bị đày đi xứ khác, ý nghĩa trung quân không chỗ nương dựa. Hơn nữa, cái Triều Đình con con dưới quyền bảo hộ người Pháp, lại diễn lại dàn trò “*thái bình múa hát*” ngày xưa. Một tụi Bá Di Thúc Tề, thời chủ nghĩa trung quân mấy lúc, vì cái cớ rau Vi núi Thử Dương quá đắng, (nhứt đội Di Tề hạ Thử Dương, cộng ngôn Vi khổ bất kham thường) không thể ăn mà sống được, bèn lần lượt về hàng với Triều Đình mới, Triều Đình dưới quyền người Pháp, trong vẫn có lớp dân cũ còn sót, ngoan ngoãn với Nhà Châu (triều vua mới) bèn lòng yêu đời Nhà Tống (triều vua cũ), cũng chỉ ngậm cay nuốt đắng, lặng tiếng nín hơi dưới sức đè nặng của nhà cầm quyền. Bạn sĩ phu cùng một đôi người thức giả cũng nhận rằng đại cuộc đã hỏng rồi, không kéo lại được, non sông y cũ, thành quách khác xưa, duy có rưới giọt lệ “*lúa tươi bắp tốt*” (*mạch tú hòa du*) khi qua lại trông cảnh đô thành cũ, và than thở cho việc nước không làm gì được nữa, trừ ra ôm mối đau đớn ấy đến trọn đời.

Địa ngục mấy tầng, ngọn triều Âu tràn vào ở bốn mặt, đồng nội mịt mù, đêm dài vắng vắng, bỗng đâu gà hàng xóm gáy lên một tiếng, giấc mộng quần chúng toát tỉnh dậy, sau cuộc Trung-Nhật chiến tranh (1894), *“Canh Tý liên binh”* (1900) người Trung Hoa đã dịch các học thuyết Đông Tây, sách báo của danh nhân như Khương Hữu Vi, Lương Khải Siêu, tạp chí của phái cách mạng Tôn Dật Tiên, lần lần lọt vào nước ta. Trong học giới có bạn đã sẵn có tư tưởng quốc gia cùng lòng đau đớn với nỗi giống, được đọc loại sách báo nói trên, như trong buồng tối bỗng chợt thấy tia sáng lọt vào, những học thuyết mới *“cạnh tranh sinh tồn”*, *“nhân quyền tự do”*, gần chiếm cả cái chủ tịch môn học khoa cử ngày trước, mà một tiếng sét nổ đùng có sức khích thích mạnh nhất, thấu vào tâm não người Việt Nam ta là *“trận chiến tranh 1904”* (Nhật Bản thắng Nga).

Vì sao thế? Vì từ thế lực người Âu tràn sang phương Đông, trên trăm năm nay, mệnh mông một vùng Á Châu, đất rộng người nhiều, không một nước nào không bị đè ép vùi dập dưới làn chân sắt của người giống da trắng, không dám cự cự. Riêng xứ Phù Tang ba hòn đảo, lấy một nước nhỏ bên Á Đông, đánh một nước to kình cường thành là nước Nga trắng. Tiếng kèn khải hoàn của Lữ Thuận, lá cờ báo tiếp miền Liêu Dương, tiếng reo “Ngô Á Ngô Hoàng” vang dội khắp cả thế giới, người da trắng kinh hồn khiếp vía đã nảy mỗi lo *“Họa giống da vàng”*. Cái trận oanh liệt hùng tráng đó đã cho cả giống da vàng tuân

cái khí phần uất tránh sao người Châu Á không múa hát hò reo mà nhộn dậy một cách hăng hái không tự ngăn được.

Được tể thuốc hưng phấn ấy, giống cách mạng nước ta sau thời kỳ điều tàn rời rụng, trong vòng không khí bao bọc áp bức bị ngột, hốt nhiên sanh khí trời ra một cách bông bột phần khởi.

Sách báo Trung Hoa như Tân Dân Tùng Báo, Mậu Tuất Chính Biến, Trung Quốc Hồn, Nhật Bản Duy Tân Khảng Khai Sử, Nhật Bản Tam Thập Niên Duy Tân Sử, Thái Tây Tân Sử, trong nước thì tác phẩm của các nhà tiên thời như bản sớ *“Điều trần của Nguyễn Trường Tộ”* (Nguyễn Trường Tộ chi điều trần giữ tể cấp luận), Quỳ Ưu Lục *“Thiên hạ đại thế luận”* của Nguyễn Lộ Trạch (Nguyễn Lộ Trạch chi Quỳ Ưu Lục, Thiên hạ đại thế luận), cùng các thứ mới xuất hiện trong thời ấy như bài *“sớ xin bỏ khoa cử”* của Thân Trọng Huề (Thân Trọng Huề thỉnh phế khoa cử sớ), *“Lưu cầu huyết lệ tâm thư”* của Phan Bội Châu, *“Công xa thượng thư ký”*, *“Ai nô từ”*, *“Bát cổ khát ai văn”*, *“Danh sơn lương ngọc phú”* (vô danh chi công xa thượng thư ký, ai nô từ, Bát cổ khát ai văn, Danh sơn lương ngọc phú). Những tác phẩm trên đều viết tay, không chửi mà chạy khắp trong nước, sĩ phu đua nhau sao đọc. Cái tiếng hò reo *“Tàn thư cứu thư”* muôn miệng một lời, cả nước sôi nổi như điên cuồng, mà sức kích thích mạnh nhất là bài trường thiên *“Đế tỉnh quốc dân ca”*. Bài này bằng quốc âm, lối *“lục bát dán thất”*, trong kể truyện thể lục

người Âu tràn sang phương Đông và thuật cuộc duy tân Nhật Bản rất rõ, đến trận “*Trung-Nhật*”, “*Nhật-Nga*”, sau nói thăm trạng nước nhà và khuyên quốc dân tỉnh ngộ v.v...

Nhờ các món văn phẩm trên, xuất hiện kế tiếp nhau, phong khí trong nước có dè dặt cũ thay mới mà nhà lãnh tụ trong đảng cách mạng quần chúng đều suy tôn là hai Tiên Sinh Sào Nam Phan Bội Châu, Tây Hồ Phan Châu Trinh vậy.

Đảng cách mạng Việt Nam trong khoảng xanh vàng dứt nối, tàn cựu quá độ, được hai Tiên Sinh đề xướng mà đồng bào có huyết tánh, đồng thanh giao cho hai Cụ cái huy hiệu “*dại chí sĩ*”, “*dại ái quốc*” không một ai dị nghị. Vì sao? Vì đảm lược, phách lược và thực lực đều vượt lên trên hàng dung thường, mà lòng nhiệt thành hy sinh cho nước cùng thủ đoạn hành vi “*dao lớn rìu to*”, “*võ núi trở đường*”, mở cho người sau hai con đường lớn, làm cho người Pháp ở Đông Dương bị vết thương “*trí mạng*”, dầu quyền lực một nước mạnh lớn gồm thủ đoạn xảo khoái quỷ quyết của các tay chính trị, cho nên ngọn thầy tay thợ của các nhà khoa học ngàn phương ngàn lớp, trăm cách che đậy, không sao bịt kín và đóng khóa hai con đường ra của dân Việt Nam:

1.- Nhà ái quốc thứ nhất (Cụ Sào Nam) ở trong ngục tối mấy lớp bao bọc như thùng sắt không chỗ trống hở, mà một mình mạo hiểm, trở ra một con đường “*Đông học*”, lại cùng Đảng cách mạng Trung Hoa giao kết qua lại, khiến cho đồng bào biết rõ thượng quốc Nhật Bản sẽ là một nước ân nhân giải thoát cái

ách Âu-Mỹ đè ép chi người Á Châu, sẽ có một ngày đánh đuổi Âu-Mỹ ra ngoài vòng Á Đông (tức thơ dâng cho Đại Ôi Bá Tước cùng bức thư khuyên người nước ta sang học Nhật Bản năm 1905). Con đường nầy nay thành một con đường lớn mà nước tiên tấn phương Đông ruổi xe buông ngựa, nam tiến một cách mau chóng trên con đường quen, bao nhiêu trở lực của người Pháp ngấm ngầm tiêu tan đi mất.

2.- Nhà ái quốc thứ hai (Cụ Tây Hồ) ở trong màn đêm che phủ mấy lớp, một tay xé toang khiến cho chính phủ “*bù nhìn*” dưới máy dặt của người Pháp, hoàn toàn mất cả tín nhiệm của quốc dân, dầu cho sơn thiếp tô điểm, tuyên truyền, vừa đợ thể nào, vắn cả tủy óc nhà văn minh cùng tay thợ nhà khoa học, xẻ vai vá vạt lấp bên này vỡ bên kia không hàn kín cái màn bị xé rách trên, đến nay không sao kéo lại tròn tín nhiệm của quốc dân một vài phần trong muôn phần, trừ một bọn chỉ trung thành với miếng cơm tấm áo.

Ôi! Hùng tráng thay! Cái sức vỡ núi trở đàng của hai nhà đại ái quốc chí sĩ, rõ là cái đặc sắc có một không hai trên lịch sử cách mạng Việt Nam ta.

Nhờ có hai con đường trở ngõ đó mà phong trào cách mạng rung động khắp trong nước, cuộc thế có điều tấn triển, những việc đáng ghi như dưới:

A.- Thiếu niên sang du học Nhật Bản, trước sau nối gót nhau ba kỳ đều hưởng ứng.

B.- Phái thiết huyết cả trong lẫn ngoài, lần lượt xuất hiện và tấn hành như ngoài Bắc Tú Đại Từ, Tú Phật Tích, Nghệ-Tĩnh thì Ngư Hải, Tùng Nham, Hy Cao, Đội Quyên, Đội Phấn. Quảng Nam thì Đỗ Tuyển (Ô Gia, Sơn Tẩu), Lê Vĩnh Huy. Quảng Ngãi thì Cử Cần, Ấm Loan, nhiều không kể hết.

C.- Trong nước nào hội thương, hội học, hội nông, thợ xã, trường học đâu đâu cũng có (Quảng Nam Hội Hợp Thương, Trường Diên Phong. Nghệ An thì Triều Dương Thương Quán. Hà Nội thì Đông Kinh Nghĩa Thục. Bình Thuận Hội Liên Thành, còn hội vô danh khá nhiều).

D.- Phong triều cúp tóc Âu trang, quan dân tán cựa cùng xung đột nhau.

Đ.- Cuộc đầu độc Hà Thành năm 1908 là cuộc cách mạng trong quân giới.

E.- Tiếng bom nổ ở Thái Bình, thân sĩ ở Nghệ-Tĩnh cùng thông với Hoàng Hoa Thám ở Phồn Xương.

G.- Vua Duy Tân ám thông dân đảng (Trần Cao Vân, Thái Phiên v.v...) diễn ra cuộc Duy Tân năm 1916.

H.- Quân nhân Thái Nguyên cùng tù quốc sự (Lương Lập Nham, Đội Cấn v.v...) phá ngục diễn tấn kịch “*Thái Nguyên quang phục 7 ngày*”.

I.- Quái kịch Xích Long ở Nam Kỳ.

Mấy cuộc trên chót đây hy sinh rất nhiều không kể hết.

Trong thời kỳ trên, “Cự Sửu”, “Đầu Độc”, “Duy Tân” và “Thái Nguyên” là mấy vở kịch lớn, hoạt động hăng hái. Mấy vai kịch ấy cả vua và dân, thân sĩ nông thường, quân lính cho đến kẻ bồi người bếp, không giới nào không có, lớp sóng nẩy vừa tan, lớp sóng kia nổi dậy, khiến cho người Pháp ứng phó không rồi. Phỏng như ở thời đại trước thế kỷ 19 thì bộ sử “*Việt Nam phục quốc*” thực hiện không phải là chuyện lạ. Khổ vì chiếc thân thịt máu, một tấm lòng son, hai bàn tay trắng không thể địch với súng đạn khoa học tồi tàn. Bởi thế, mỗi lần thất bại, những phần tử ưu năng, phần bị tù tội, gần không mấy ai lọt ra ngoài lưới bủa của quân thù.

Hơn nữa, sau cuộc Đông học giải tán, tiếp đến cuộc Âu chiến bùng ra (1914-1918), các nước láng giềng phương Đông như Nhật Bản, Trung Hoa, Xiêm La (Thái Lan) vốn là nước gần mà đảng cách mạng Việt Nam lâu nay nương dựa làm nơi đứng chún, nay vì mối lợi hại trên quốc tế, đều theo phe Đồng Minh Pháp mà đánh Đức. Người Pháp nhờ cái sức “*nhieu tay vồ nên bộp*” thu được phần thắng lợi. Đồng thời Cụ Sào Nam bị giam ở Trung Hoa (Long Tế Quang, Tỉnh Trưởng Quảng Đông bắt Cụ cầm ở Quan Âm Sơn trên ba năm). Cụ Tây Hồ bị giam bên nước Pháp (giao cho tội tình nghi thông Đức), đảng cách mạng Việt Nam không có nhà lãnh tụ cầm đầu, như con rắn không đầu, tự nhiên phải sa vào cái vực im chìm bị ngột. Phải chăng bác trời già kia, cố để thói lòng tham kiêu của người Pháp to

lớn, khiến nó chất đầy cái chuỗi tội ác đến cái họa ngày nay chẳng?

Đó là đảng cách mạng Việt Nam chống Pháp vào thời kỳ thứ ba, chính là ngậm cái đau nòi suy nước mất ôm cái chí phục quốc báo thù. Tuy trời chưa chịu người, thời cơ bất lợi, song cơ cuộc có chiều tấn triển trình độ có vẻ mãnh tiến, so với thời kỳ thứ nhất, thứ hai trước có cái khí thế *“xăm xăm bước lên cao”*.

Lần cách mạng này là con đẻ của cả Hán học Âu học nhập chung một lò mà đúc ra vậy.

THỜI KỲ THỨ TƯ

(1920-1940)

Hai nhà lãnh tụ cách mạng, một nhà bị mệt mỏi ở phương Đông, một nhà bị cùng khốn ở phương Tây, họa Hán Học cũ mòn rụi như lá sau mùa Thu, bọn Tây học mới còn đương non trẻ mới đầu mùa. Hơn nữa, cuộc Âu chiến kết liễu, thanh thế nước Pháp lừng lẫy trên chín lừng trời, mà hơi thừa của đảng cách mạng Việt Nam chìm ngấm dưới chín lớp đất, người Pháp tự tin rằng gối cao ngủ yên không phải lo ngại gì cả. Còn nước ta cả trong lẫn ngoài, phân nửa đã nguội lòng thối chí, bọn trẻ Âu học phần đông quên cả nguồn gốc sùng bái người Âu đến cực điểm, gần như không biết quốc gia là gì, lại thêm phái Đông học sả chân, trong có kẻ thay mặt đổi lòng trở làm tay trành hồ (mật thám) cho người Pháp là khác...Đó là thời kỳ đảng cách mạng Việt Nam rất nguội lạnh, rất đen tối, không có chút sanh khí, chút tia sáng nào. *“Núi cùng nước kiệt ngờ không lối” (sơn cùng thủy tận nghi vô lộ)* nào ai có biết giống cách mạng ấy lại có một cơ hội *“lửa đồng thiên chưa hết, gió xuân đến lại mọc lên” (dã hỏa thiên chưa tận, đông phong xay hựu sanh)* kia.

Cuộc Âu chiến kéo dài, bên thua bên hơn, cả hai phe đều mang vết thương nặng, thành thị hóa đồng tro đen, ruộng đồng lúa gò đất đỏ, tiếng *“khoa học tự sát”* và tình trạng kinh tế khủng bố, dồn với điều ước bất bình đẳng Versailles, khắp vùng toàn Âu có chịu rắc rối lay động, mà cái sức phản động *“kỳ quái”*

do thời thế thúc giục xuất hiện một cách không ngờ, nước “*không tưởng*” của lý thuyết Mã Khắc Tư, chính phủ lao nông của Lê-nin, giải nhản chỗ ngựa dân chúng, phong triều mới bên bông bột vụn dậy, nào lao tư xung đột nhau, nào giai cấp tranh đấu nhau, nào tự do bình đẳng với chánh thể chuyên chế cứu thị nhau, nào chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa quốc gia chống chỏi nhau, nào quan niệm cá nhân với quan niệm gia đình chia rẽ nhau, độc nồng nhiệt tăng lên cao điểm, cùng tràn nhẩy lên một trật, làm cho cả vùng không khí trên thế giới đều bị xô đẩy chà xát. Đại đa số quân chúng bị đè ép đã lâu, cùng lớp thanh niên tân tiến hí động, đua nhau xu hướng theo triều lưu mới, như tình thế “*nước lại vỡ đê*”, gần không có sức gì ngăn cản được. Đã thế mà các thứ sách báo đua nhau tuyên truyền cổ động thêm nữa, mà Âu Châu trở thành xứ trung tâm điểm, nào chiêu bài, nào quảng cáo, như thủy ngân đổ trên mặt đất, không lỗ nào không lọt vào. Phần tử cách mạng Việt Nam ta ở ngoài biển, bọn thiếu niên Tây học cùng quân lính công binh ta có dự cuộc Âu chiến về nước kích thích với ảnh hưởng “*cộng*” nói trên, nhổm lên khắp nơi. Từ đó món của tán trong đám cách mạng cựu học cùng thứ rơm rác lau cỏ mà phái Tây học mới lượm lật được nhập với các mồi nhạ lửa, hợp thành cái đuốc khá trọng, mà hột giống cách mạng chín ngằm im vắng mấy lâu thừa dịp nổ bùng, khí tỏ khí mờ, kéo dài vài năm, trong có mấy đặc điểm:

Cụ Tây Hồ bị tù ở bên Pháp, Cụ Sào Nam bị tù ở nước Tàu (bị Long Tế Quang Tỉnh Trưởng Quảng Đông bắt giam gần 4 năm), biển Đông biển Tây cách xa nhau không biết bao nhiêu. Sau ra tù ngục rồi, trông ra bốn phía, côi lạnh nhiệt thành ái quốc không giây phút nào dứt đoạn, tiềm tâm lặng nghĩ dò xét thời cơ, toan tìm chỗ hành động. Bèn thừa cái phong trào mới xu hướng xã hội nói trên, nghinh hạp cái tư tưởng mới hấp thụ của thanh niên và quần chúng đang nhem đốm lửa cách mạng trong đồng tro tàn gần tắt kia mà trong bụng con cò chết bỗng trở ra nước cò cơ cảnh đường đột kích người.

Cụ Tây Hồ ở bên Pháp, vừa dịp trời ngự giá Vua Khải Định sang Pháp, gởi ngay một bức thơ trong kể bảy điều tội, cả phái tân cựu trong ngoài đều kích thích với tiếng sét ấy. Tổ tình hoan nghịch nhất là phái Tây học thanh niên, làm cho cái chính sách giả dối ủng hộ bề ngoài của người Pháp, thành ra cuộc hành động vô giá trị, vô ý thức.

Còn Cụ Sào Nam ở Trung Hoa, vừa dịp Toàn Quyền Đông Dương Merlin có cuộc sang Nhật Bản, đi ngang qua Quảng Đông, một tay trắng sĩ trong máu cách mạng (Phạm Hồng Thái) cắp chiếc dùBác lãng (tạc đạn) trong túi, đánh một cái đùng ở Sa Diện, tuy trúng lầm người Pháp khác, Toàn Quyền khỏi chết, song kẻ cứu cũng kinh hồn mấy vía, không dám gọi là người Việt Nam không có tinh thần võ hiệp.

Kể đó Cụ Tây Hồ về Nam Kỳ, không bao lâu rủi bị bệnh ở Sài Gòn. Cụ Sào Nam bị bọn trành hồ lừa phỉnh, mà bọn “*cướp người*” bắt ở Thượng Hải, đem về Hà Nội rồi tha về ở Huế, giam lỏng nơi Bến Ngự. Đường cùng của nhà anh hùng, tuy không hành động gì được, mà bọn thiếu niên tân tiến, vì cò tuổi trẻ chưa có danh vọng, như “*cá mè một lứa*”, không ai chịu ở dưới ai, nên nảy ra cái quan niệm sùng bái các nhà chí sĩ tiên thời, phong khí có chịu đổi mới. Đồng thời ngoài có Nguyễn ái Quốc, trong có Nguyễn Thái Học, tay kiệntướng trong đảng làm chủ trì, trong ngoài có một sợi giao thông với nhau mà tất kịch quái gỡ đổi xác thay hình như bệnh dịch truyền nhiễm, đây là tín đồ của Lê-nin, kia học trò phái Mã Khắc Tư, nọ là phần tử Mã Chi Nê, Gia Lý Ba Đích, hiệp thành một khối, bèn diễn trên sân khấu nhiều thứ tuồng mới lạ “*xích hóa*”, “*biểu tình*”, “*đình công*”, “*quá khích*” khiến thứ bom đạn tàu bay của người Pháp, không dùng ra việc đối ngoại mà trở ném bom xuống làng Cổ Am (Bắc) và Hà Tĩnh v.v..., ngoài ra tàn sát nhân dân như dầy cỏ, như săn thú, tù tội dất đi đầy đường khắp cả trong nước, không kể xiết được.

Đó là thời kỳ cách mạng lần thứ tư, hợp cả nhà Hán học già, bọn Âu học trẻ, và phong triều cả trong lẫn ngoài chung đụng nhau mà đúc ra, chính như trong Kinh Dịch, quẻ Đại Quá đã nói: “*Cây dương khó nảy nhánh, kẻ chồng già được người gái trẻ, (khó dương sanh thê, lão phu đắc kỳ nữ thê), đẻ ra đứa con bất thuần*

huyết thống, lại bị thuốc làm thôi sanh của thầy lang, nên không thành hình."

Tám mươi năm dưới thời kỳ thuộc Pháp, trải bốn thời kỳ cách mạng trăm hình ngàn thái mà không lìa cái tôn chỉ yếu tố là đau lòng vì nước nhà nội giống, bề ngoài có thay đổi, mà khí thế mở rộng và tiến dần lên. Khốn vì *"đạo cao lên một thước thì ma cao lên một trượng"* (đạo cao nhưt xích, ma cao nhưt trượng), tinh lực của mình có hạn mà bàn tay sắt của kẻ địch dày vò chặt phá cùng ngọn độc ác *"lột da ngoài, gạn mỡ trong"*, lớp này lớp nọ, diễn mãi không khi nào cùng, bởi vậy phừng dậy phen nào cũng bị té ngã phen này, cho đến ngày nay nó đã thành như chổi mũi cái nổ mạnh mà người Việt Nam không thể lấy tay không mà chống được, đau xót biết chừng nào!

Dưới này xin nói chính sách hiểm ác của người Pháp.

CHÍNH SÁCH THỐNG TRỊ VIỆT NAM CỦA NGƯỜI PHÁP CÙNG THỦ ĐOẠN DIỄN TẤN

(1854-1942)

Lịch sử cách mạng Việt Nam dưới thời thuộc Pháp, vẫn theo thời thế mà khi ẩn khi hiện, lúc trời lúc sụt, như bốn thời kỳ đã kể trên, người Pháp biết rằng không trừ diệt giống dân này thì không thể nằm gối cao mà yên giấc được, nên chánh sách cai trị của nó cũng theo tình thế mà diễn tới, có thể chia ra 4 bộ sậu như dưới:

BƯỚC THỨ NHẤT

(1854-1864)

I.- *Phong tỏa bốn mặt tuyệt hẳn đường giao thông với nước ngoài.*

Đầu tiên bước chân đến chinh phục xứ này thì liền chiếm đoạt xứ Nam Kỳ Lục Tỉnh làm nơi căn cứ quân sự, kế đó xâm chiếm Bắc Kỳ, dòm dôi Tỉnh Vân Nam nước Tàu, bức Triều Đình Mãn Thanh thủ tiêu ấn “*Việt Nam phiên thuộc*” đồng thời cùng nước Anh ở Điện Biên ký ước nhận nước Xiêm La làm khu hoãn xung, rồi chiếm đoạt cả Cao Miên và Ai Lao. Bốn mặt phong tỏa, thế là toàn cõi Việt Nam thành như con cá trong nôi, tự ý cất nấu. Đó là bước thứ nhất.

BƯỚC THỨ HAI

II.- *Chia rẽ xu vức, phá cái nền nhứt thống sẵn có.*

Sức đồng hóa của dân tộc Việt Nam rất mạnh. Nam tiến chưa bao lâu mà cả hai xứ Chiêm Thành, Chân Lạp vào bản đồ đất nước nhà, lại đồng hóa cả dân tộc (không chỉ người Chăm, người Tà-đai sang xứ ta, phần nhiều người Minh Hương thành người Việt Nam không phân biệt). Ngôn ngữ, văn tự, phong tục, lễ giáo như một lò đúc ra, sỗ sảng thành một dân tộc lớn. Người Pháp biết rõ dân tộc ấy không dễ gì cai trị được, nên chia toàn quốc làm ba xứ vực và dùng chánh sách giáo quyết khoa khéo để làm cho phân rẽ nhau.

Nam Kỳ thì nhận ngay làm xứ thuộc địa thực dân, lúc mới chinh phục nhân dân vẫn nhớ mền nước cũ, cho Nam Triều đặt quan lãnh sự. Người nước Việt Nam làm quan tại đất Việt Nam mà, như là đối với xứ nước ngoài (ông Nguyễn Lập và Nguyễn Thánh Ý làm chức lãnh sự đó sau bị đuổi về).

Bắc Kỳ với Trung Kỳ thì vạch làm xu vực Bảo Hộ để tiện việc thao túng, Bắc Kỳ đối với Nam Triều, chỉ lưu mấy việc như ban chức tước, tặng phẩm hàm, (kiểm duyệt thời Nhật thuộc bổ) nhưng quyền chính thì theo lệnh Thống Sứ. Đầu tiên có đặt “*Bắc Kỳ Kinh Lược Nha*” (trước thì Nguyễn Hữu Độ, kế thì Hoàng Cao Khải làm Bắc Kỳ Kinh Lược, quan tối cao của Nam Triều, Nam quan đều thuộc dưới quyền Kinh Lược). Rồi vài năm sau tiêu xong đảng cách mạng Cần Vương thì Kinh Lược Nha bãi bỏ, Bắc Kỳ thuộc dưới quyền Thống Sứ, từ việc dụng nhân hành

chính, đến việc binh, việc tài, đều vào tay người Pháp. Nam Triều không được hỏi đến, tên là bảo hộ, thực là chủ nhân.

Khôn khéo và hiểm độc nhất là đối với Trung Kỳ dưới quyền nội chính Nam Triều: Trung Kỳ là Thủ Đô Nhà Nguyễn, trên 300 năm, văn hóa, lễ giáo đâm thấm vào lòng dân không phải một mai một chiều, từ sĩ phu Hán học cho đến bọn nông dân dưới thôn dã, quan niệm “*trung quân thủ cự*” rất là đâm thấm. Bọn thượng lưu khoa giáp chiếm vị trí có thế lực trong xã hội dân gian quý chuộng đã thành tập quán. Người Pháp biết dân tâm sĩ khí không thể thay đổi chóng được, bèn thi hành chính sách che tai đập mắt, cố duy trì cái chánh giáo hủ bại cố hữu đó mãi. Triều đình thì trau dồi cái cảnh tượng thái bình thông dong múa hát, sĩ phu thời khoa danh hàm phẩm, chuộng bả phù vinh, đến trong dân gian thì ù ù cạc cạc, ngoài việc cày bừa khâu thuế, tuyệt nhiên không biết chuyện mất nước là gì, chưa nói cả triều đã trên dưới mù với đại cuộc ngoài thế giới là khác nữa.

Chánh sách “*chia rẽ ba kỳ để dễ cai trị*”, khiến cho một nước mà chính thể khác nhau, đồng một dân tộc mà nặng bên này lên, dân bên kia xuống, làm chia rẽ lìa tan rất dễ dàng. Chỉ trong vài ba năm, người Nam Kỳ gọi người Trung Kỳ là “*ghe bầu*”, gọi người Bắc Kỳ là “*dân cộc kệch*”, còn người Trung-Bắc gọi dân Nam Kỳ là “*người Đồng Nai*”. Người một nước mà đối với nhau như người nước ngoài. Cái thủ đoạn tiêu diệt lòng ái quốc cùng

phá hoại cơ cuộc thống nhất của nước Việt Nam, công xảo đến thế là cùng.

Mà đã thôi đâu! Xứ Cao Miên trước thuộc dưới quyền bảo hộ Việt Nam, vùng Thượng Hạ Ai Lao đời Đô đã dùng làm nơi căn cứ dựng lại cơ nghiệp trùng hưng, sau Pháp đã đoạt được Miên-Lào hai xứ rồi, cho rằng dân hai xứ ấy không làm hại lại dễ sai khiến, vừa dễ nuôi nấng, dễ lòng giúp giùm đặng từng trung ly dân, khiến cho dân Miên-Lào trở lại cưu thị người Việt Nam. Sao vậy? Vì người Việt Nam trong cõi Đông Dương cũng như cái đinh trước con mắt người Pháp, không cào thấp đè nặng dân Việt Nam làm giống nô lệ, không thể ngồi yên được.

Than ôi! Chánh sách người Pháp rõ khốc hại thật! Mà những bọn vì người Pháp ra tay gắng sức, tiêu trừ giống cách mạng Việt Nam, như Đốc Phủ Nam Kỳ, Tiệp Phủ Sứ, Kinh lược Nha (Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải) người Trung Bắc Kỳ là tay gộc đấy. Trương Hoằng Phạm khắc bia ở núi Kỳ Thạch ghi công “diệt nước Tống là con người Hán, đâu phải con người Hồ” (Huề công kỳ thạch Trương Hoằng Phạm, bắt thị Hồ nhi, thị Hán nhi) Câu thi chưa xót đau đớn của Trần Bạch Sa đề núi Nhai Sơn, nào chỉ khóc cho con người Tống mà thôi đâu^[1]. Đó là chính sách thống trị của người Pháp bước thứ hai.

BƯỚC THỨ BA

III.- Mở kinh thông nước lụt, xoay chuyển thị tuyến của dân chúng, phá chịu xu thế “Hoàng chủng nhất trí Á Đông”

Chánh sách “*tỏa bế*” cùng “*phân ly*”, vẫn có thu được hiệu quả trong một khoảng thời gian, hơn nữa dư đảng Cần Vương trong nước, tiêu trừ gần hết, không còn làm mối lo cho nó nữa, những tay gộc có công to trong vụ trừ diệt cách mạng đảng, người Pháp bèn thu cả binh quyền ban cho cái địa vị tối cao trong Nam triều ở trong quyền chỉ huy của mình (Nguyễn Thân thăng Cần Chánh, Hoàng Cao Khải thăng Võ Hiền, hai chức cự phẩm triều đình), tự lấy làm đắc kế, gối cao ngủ yên, không lo ngại gì nữa, mới bắt đầu cải cách thuế lệ ở Trung Kỳ, ưu cấp lương bổng cho bọn quan lại, thực hành cái chánh sách “*phò thực thiếu số, đảo áp đa số*”. Không dè ngọn triều Tây Âu tràn sang phương Đông. Ba Đảo Phù Tang lạnh chân bước trước, có trận Trung-Nhật Chiến Tranh (1894), tiếp đó Trung Hoa có cuộc Mậu Tuất Chính Biến (1898), Canh Tý Liên Binh (1906), phong triều duy tân cải cách lọt vào nước Việt Nam ta, mà trận Nhật Bản thắng Nga (1904) khêu dục người nước ta nảy ra cái tư tưởng “*tháo củi sổ lồng*” Tức thời ở trong thùng kia bọc sắt, đột nhiên mở ra một đường huyết lộ “*Đông học*”, ba kỳ hưởng ứng, cả nước như sôi, có cái khí thế tràn khắp như nước lụt vỡ đê, làm cho cái chính sách “ngăn lấp” cùng “*chia rẽ*” của người Pháp mất cả hiệu lực...Tuy xảo quyết tối cao của nhà chính trị quân buôn, trương mắt ngồi nhìn, lo tính kế sách để đối phó.

“*Nhật Báo Hải Phòng*” Chủ Bút là người Pháp, có bài đại luận đầu đề “*Hiện Tượng Xứ Đông Dương*”, trong nói việc binh sự

chính trị rất tường, sau kết luận:

“ Ngày nay xem dân xứ này như dân dã man hay sao? Chúng nó đâu không trông cái gương duy tâm thành hiệu của Nhật Bản, ít nữa cũng trông cái gương sắp thành chưa thành của Trung Hoa. Văn minh Âu Châu tràn sang phương Đông, nay đến lần tới nước Việt Nam đây. Nhà đương cuộc cần phải xem xét thắm thận...”

Đọc đoạn trên, dầu là một phái dư luận của người Pháp, song cũng chứng rõ cái trạng thái thương hoảng lúng túng của nhà chính trị đối với thời cuộc.

Thuế mới thi hành, (công sưu, ngân sưu, điền thổ, tái đạc), cái đau cắt dạ, quân dân dần dần tỉnh giấc, người Pháp bèn bỏ chánh sách ngăn che như trước, mở ra nẻo đường mới. Bề ngoài thì trương cái bảng quảng cáo “*khai hóa*”, bề trong thì thi hành cái chánh thuật “*đối dân*”, nào đổi phép thi, thay giáo khoa, nào mở trường học, bỏ Hán học, du nhập Âu học, mở báo quán v.v...cho đến du học bên Pháp cũng mở cửa hoan nghinh, các sách danh nhân Pháp như “*Dân Ước Luận*” của Lư Thoa, “*Vạn Pháp Tinh Lý*” của Mạnh Đức Tư Cư cũng cho người Việt Nam xem đọc tha hồ. Nói tóm lại là công việc khai hóa giả dối đều hăm cái thuốc độc “*nhồi sô thay lòng*” rồi văn hóa phương Đông mà xoay tai mắt chú trọng về Âu Tây:

a.- Diệt trừ giống Hán học làm cho lịch sử văn hóa cổ hữu Việt Nam có quan hệ với Nhật Bản, Trung Hoa, một lưỡi dao cắt đứt.

b.- Nâng cao văn hóa Âu Tây, phô rằng Nhật Bản bắt chước mô phỏng theo người Âu, chỉ học được ngành ngôn ngữ Âu học, còn nước Pháp là đất tổ đẻ ra văn minh rực rỡ..., đặng người Việt Nam xu vào một con đường say mê vật chất, sùng bái người Âu đến cực điểm (Báo Nam Phong là bảng chiêu bài, còn nhiều báo khác làm quảng cáo cho đường Âu học đó).

c.- Lợi dụng môn học Quốc ngữ mà người Việt Nam mới xu hướng, tưng dưng phái Tây học vô thức dịch những tiểu thuyết lãng mạng và cực lực biểu dương truyện Túc Kiêu là thứ thổ sản “*hồi dân đạo dục*”.

d.- Mở trường Hậu Bô đào tạo thứ nhân tài “*đầy tứ tay sai*” thả khắp trong quan trường cả trong lẫn ngoài, lần lần thay cả ban cựu Hán học, thành ra một giống nhân vật “*không Á không Âu, giở mới giở cũ*”,

(bị kiểm duyệt thời Nhật thuộc bỏ một hàng).

Trên là những việc dễ nhìn thấy. Trong thời kỳ ấy đối với nhà lãnh tụ cách mạng Sào Nam và Tây Hồ, dò xét tìm tòi theo hành động từng tý, ngoài thì rõ hiệp, trong thì thâm du, khêu bát chia rẽ đủ cách, song cái nghề sơn quỷ có hạn mà nhà thầy tu núi không nghe không thấy, không biết đâu mà hờ, không làm sao chuyển động được cái lòng sắt đá của hai nhà ái quốc đó. Điều này không chỉ bọn bàng quan bị nó che đậy mà hiểu sai cho đến người trong đảng cũng bị nó phỉnh gạt mà nhận lầm.

Từ có tiếng bom nổ ở Bắc Kỳ (Thái Bình), Cụ Sào Nam nhíp ấy bị giam ở Quảng Đông (Long Tế Quang bắt giam). Kế đến cuộc Âu chiến, Cụ Tây Hồ bị giam ở Paris, mà trong nước còn có tấn kịch hoạt động “*Duy Tân*”, “*Thái Nguyên*” (1916), người Pháp biết rằng phần tử cách mạng Việt Nam chưa dứt giống, sau Cụ Sào Nam được ra khỏi ngục (Long Tế Quang bị Hộ Quốc Quân Vân Nam đuổi chạy mới tha Cụ), người Pháp thả bọn trành hồ rinh theo dò thám, xem xét hành động thế nào. Đồng thời trong phái Đông học có mấy cậu về thú, nó mới lợi dụng bọn ấy để dẫn dụ, đem cái mồi thơm “*ngôi cao lương nhiều*” cùng “*tiền bạc ưu cấp*” câu nhà cách mạng, chúng đến bị Cụ Sào bác khước (chuyện này do người Pháp...mang thơ Toàn Quyền Sarraut sang Tàu nhờ bọn Đông học đã ra thú làm môi giới, cùng Cụ Sào Nam mở cuộc hội đàm, trong bản Tự Phán của Cụ thuận rõ đầu đuôi câu chuyện).

Kế đó bọn ra thú trên, dùng thuyết “*Binh pháp dụng giàn*” trong ngoài nên câu thông nhau, lừa phỉnh khuyên Cụ viết bản “*Pháp-Việt Đề Huề Chính Kiến Thơ*” (1918). Trong lúc cùng sầu buồn bã, Cụ có bản đề huề đó, chỉ cốt bán văn lấy tiền, như Hàn Dũ soạn bia dưa lấy tiền nhuận bút thế thôi. Vì bình sinh Cụ có chỗ sở đoản là “*cốt mục đích không cần thủ đoạn*”.

(Bị kiểm duyệt thời Nhật thuộc bỏ 2 hàng)

Không ngờ cái thơ “*đề huề*” đó, người Pháp trở lợi dụng làm món lợi khí xoay chuyển tư tưởng “*bài Pháp*” của quân dân

sang hướng khác. Nhưng còn chưa lấy làm vừa lòng, sau cùng nó bèn dùng đến thủ đoạn hèn mạt “*bắt người giữa ban ngày*”. Cụ ăn năn đã không kịp. Song sau Cụ về nước mà được tha, thơ “*đề huề*” trên vẫn có chút hiệu lực.

Cụ Tây Hồ ở bên Pháp, nó cũng hăm dọa, dụ dỗ đủ cách mà không lay chuyển được, bèn vu cho cái án “*tiền thông với người Đức*”, bắt giam vào ngục...Sau ra ngục lại tước đoạt cả sanh kế, làm cho cùng vô sở xuất. Bức thơ “*7 điều*” gửi cho Vua Khải Định lúc sang Pháp, càng làm cho phái nghịch nghi kỵ thêm lên. Đến ngày Cụ về, trong túi không có một xu, nhờ có 5, 3 đồng bào bên ấy giúp cho nhiều ít, không thì đã làm cá khô dưới vũng bánh xe rồi. Người Pháp biết có về trong nước cũng không hành động gì được nữa nên cho về, lại có ác ý là mượn tay khác làm hại cũng nên. (Cụ với phái quan trường Việt Nam là kẻ thù độc nhất kia).

Đó là bước thứ ba chính sách ly dân đảng cách mạng Việt Nam cả trong lẫn ngoài, tấn triển một bước rất dài.

BƯỚC THỨ TƯ

IV.- Bủa dăng lưới bẫy, thiết hành chính sách tĩa giống tốt để giống xấu

(khử lương lưu sửu)

Hán học tiêu diệt như thế kia, Âu học trẻ non như thế này, lại thêm phương thuật “*rán dầu ép mỡ, nhồi so đổi lòng*” rất mực châu đáo. Sau trận thắng Đức, 2 nhà lãnh tụ cách mạng Việt

Nam về nước, rủi Cự Tây Hồ qua đời, Cự Sào Nam lại như chim vào lồng, ngoài ra các bọn cách mạng cũ, hoặc ra ngoài, hoặc bị tù tội, có bọn được ân xá, thay mặt đổi lời, đua hót đăng kiếm một chút quan...Kiêu khí người Pháp đã vụt cao lên đến chín tầng trời, có thể vượt râu cả cười: *“anh hùng đều vào khuôn ta cả”*(**thiên hạ anh hùng tận nhập ngô câu trung hỷ**).

Nhưng nào có biết việc trên đời thường hay lọt ra ngoài ý liệu thông thường, con nhà thầy thuốc giỏi hay chết vì bệnh, con nhà đồng bóng hay chết vì ma quỷ, hình như bác trời già kia có ý làm trò giỡn để trêu người.

Đứng giữa bầu trời đất vui mừng, trường hát như rừng, tiệc rượu như mây tuôn, tiếng ca tụng như sấm dậy, cùng nhau vỗ tay hò reo, mà ngấm ngấm trong khoảng không vô tình, nào nước *“Ô thác”* của lý tưởng Mã Khắc Tư, nào chính phủ lao nông thực hiện của Lê Ninh, đất bằng vụt dậy, thừa chỗ chóng hở mà xông vào. Phần tử Âu hóa nước ta cả trong lẫn ngoài, bị tấn kích mới khích thích một cách khá mạnh, gồm thêm một vài bọn cựu đảng cùng bọn công nhân lao động hợp thành một khối, tạo ra cái phong triều biến tướng to tác. Trên mười lăm năm lại đây nào giai cấp đấu tranh, nào lao tư xung đột, nào đình công, nào biểu tình, hầu như gió cuốn khắp trong nước, làm chính sách của người Pháp từ trước đến nay, toàn không chút hiệu quả gì cả. Cách đối phó đã cùng, không biết làm thế

nào, bèn thẳng tay thì cào dấy đi mà phù thực giống xấu, không còn khiêng kỵ gì cả.

Thứ chánh sách này, nhiều như lông trâu, dày như lưới nhện, không sao kể xiết, xin nói đại khái:

a.- Số dinh mỗi năm mỗi tăng, điền thổ dặc di dặc lại, khai khế, họa bản đồ, phát giấy trích lục, tăng số sào mẫu, bắt buộc nộp tiền không biết mấy lần, lại gia số tỷ lệ, trên số tỷ lệ lại gia thuế tỷ lệ chồng thêm lên. Bọn công nhân mỗi tháng 10 đồng, 12 đồng, dân nghèo có sào ruộng cũng không tránh khỏi nạn *“lửa thành ao cá” (thành món thất hỏa ươn cập tri ngư)*.

b.- Trồng thuốc, đồn của đều bị hạn chế, điều lệ thương chánh kiểm lâm, mù như khói biển, dân quê không biết đâu mà tuân theo, động chút là tịch thu, phạt tiền (trồng thuốc, đất trồng bao nhiêu sào mẫu, hái vào số thuốc được bao nhiêu, toàn thuốc lá bán được bao nhiêu, thuốc xắt bao nhiêu, Tòa Thượng Chánh phát một quyển sổ nhỏ, nhà trồng thuốc buộc phải mua gạo đổi muối, bị phạt luôn luôn).

c.- Luật vi cảnh thi hành trong hương thôn, Phủ, Huyện như Tòa Cảnh Sát ở thành phố. Bọn hào mục bắt lương, mượn cớ làm rối dân quê, bắt luật việc gì, đều dùng điều luật *“vi cảnh”* làm lưới bủa dân, giải quan trình phạt, nha Phủ Huyện có quyền được thu khoản phạt từ ba đồng trở xuống, đồng niên Phủ Huyện nào thu được số bạc phạt *“vi cảnh”* nhiều, ấy là vị quan tốt. Luật buộc lãnh rượu, bắt dân mua rượu ty càng gắt hơn.

d.- Luật mời đặt những khoản phạt như cái cân không “*chi*”, “*sao*”, đồng một cái án mà phạt từ 80 đến 800 đồng, hoặc từ 100 đồng đến 500 đồng, giam từ ba tháng đến một năm, hoặc một năm đến năm sáu năm, quan tòa tự ý muốn kết án nặng nhẹ, cao, thấp tự tay, dân không chỗ kêu van gì được.

e.- Thuế môn bài các nhà buôn cả lớn và nhỏ ở thành phố, mỗi năm mỗi tăng, thuế chợ cũng thế, cái đó cố nhiên phải chịu. Đến như nông dân cùng túng trong thôn quê, lúc mùa nông rảnh, có món thổ vật chè cau rau quả v.v...buôn bưng bán xách, cùng tấm lều bán nước chè củ khoai, cũng buộc phải lãnh môn bài chịu thuế, như bữa nay bán con gà trứng vịt, ngày mai bán nhảm rau, nghề vụn vặt không chuyên nghiệp cũng phải nộp thuế môn bài.

g.- Qui điều hạn chế trẻ con vào trường học, rất là nghiêm mật hơn tù tội nhà ngục, học sinh con con mỗi năm mỗi đổi giấy khai sinh, giấy khai sinh do lý trưởng làng sinh đóng dấu ký nhận, lại buộc phải có chữ ký và áp triện của Công Sứ Tỉnh, lại buộc có giấy khai tinh hạnh, ở ngụ nhà nào, người nào bảo lãnh, các món giấy ấy đều phải dán con tem, tuổi học trò theo niên hạn đã định, nếu trời sứt một hai tháng cũng cho là bất hợp lệ, bác khước đi không được vào học.

Ngoài ra có chút sanh kế gì gì trong dân gian đều can thiệp đến bắt từng đầu người thu từng thùng lúa, thậm chí cày ruộng nhà mà không biết số lúa thu hoạch mình có được ăn hay

không. Bất luận món sản nghiệp gì đến hiện cái tình trạng khủng bố như thế. Trong khoảng “*Lao tư xung đột*” (1936-1937), báo chí khởi kiểm duyệt hơn một năm, những tiếng kêu oan gọi khuất trong dân gian, còn cáo tố được một hai điều trong phần trăm, gần mấy năm nay thì không biết kêu gào cửa nào, toàn trong nước đều thành như “*đứa cầm ăn Hoàng liên*” (*á tử ngật Hoàng liên*).

Trong thời kỳ ấy, chánh thuật thống trị thay đổi diễn tấn có vài tấn kịch, khiến người ta không sao quên được.

1.- Hai Cụ Sào Nam, Tây Hồ về nước, quốc dân đương ôm lòng quan vọng, đồng thời Vua Khải Định thăng hà (1925), Đức Bảo Đại lên ngôi mà tuổi nhỏ, còn du học bên Pháp, nhà chính trị Pháp lo ngại e dân gian có sự tác động rắc rối, bèn bức Quan Cơ Mật Nam Triều (tức Nội Các Thượng Thư) cùng ký một hiệp ước, tước cả cái chủ quyền còn con còn sót của Nam Triều, đổi cuộc “*Tư phỏng*” làm Nhân Dân Đại Biểu Viện, già phò cái tiếng đẹp. Trong hiệp ước có điều:

“*Cho nhân dân có quyền tham gia chính trị*”. Hiệp ước mới (1925) ban bố, bọn thanh niên Âu học tỏ tình hoan nghinh, phái cựu học có tri thức cũng nhận rằng có cái cơ quan nghị chánh còn con hoặc giả có thể giám đốc bọn quan lại, nhân dân đỡ phần nào hay phần ấy. Không dè dân biểu mở hội đồng 1, 2 lần toàn lộ cái chân tướng “*phỉnh giới trẻ con*”, người có danh vọng, phui áo bỏ ra, không bao lâu Viện Dân Biểu trở thuộc dưới

quyền Bộ Lại, không còn ý nghĩa gì cả mà mỗi lần đến khóa tuyển cử, chia bè lập đảng, vận động tranh cử, nhứt là tranh chức nghị trưởng cùng ban trị sự, mấy cái ghế có xu diễn ra lắm điều xấu xa. Rán ép dầu mỡ nhân dân, một năm không dưới vài chục vạn để cung vào món trang sức phẩm *“giả mạo dân ý”*, gần đây đã thành vật bỏ đi.

Đó là bài hịch ngu lộng nhân dân.

2.- Nội Các Nguyễn Hữu Bài gần hai mươi năm, Thượng Thơ sáu Bộ, có cả người Hán học cựu và Tây học, vẫn tay tầm thường dung tục, không thi thố ra câu gì, song còn duy trì chút thể diện bên ngoài của Triều Đình cũ, chút quyền đối nội, gặp việc còn dám thương lượng lại một đôi điều. Từ ngày 2 tháng 5 năm 1933, có tấn kịch *“Năm Cự không ngã cái inh”*, chỉ để một người Tây học trẻ tuổi (thông dịch xuất thân), còn năm Cự bị về đổi năm người mới, Bộ cũ mà đổi tên mới (trước gọi Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công 6 Bộ, nay đổi Nội Vụ, Giáo Dục, Tư Pháp, Công Tác, Tài Chính, Lễ Nghi), lại thêm Bộ Kinh Tế.

(Kiểm duyệt thời Nhật bỏ 2 hàng)

Hội Đồng Thượng Thơ do Khâm Sứ chủ tọa, lại thêm chức Thượng Thơ dân biểu, mỗi tháng cấp bổng 400\$ (hai năm sau mới bãi), từ đó chính phủ Nam Triều còn mỏng manh như một sợi tơ, thành ra phòng giấy phụ thuộc Tòa Khâm Sứ, việc gì cũng có Tòa Khâm đưa sang, Nam Triều chỉ ký tên.

Đây là ác kịch ngu lộng Nam Triều.

3.- Trước kia các Tỉnh, Đạo, Phủ, Huyện, còn có cựu ban Hán học, bọn này vô tài ít học, thấy ngồi ăn lộc không làm được việc gì hay giỏi, nhưng còn có người không dám làm điều ác, vì chữ Pháp chỉ học hiểu chút ít việc gì giao thiệp còn nhờ bọn thông dịch khó trực tiếp được nên có chỗ kiêng sợ. Nay bọn mới Phủ, Huyện từ trong lò nô lệ đào tạo ra (có khoa thi tri huyện), đã luyện thành tánh cách thứ hai, thù phụng ứng đối giao thiệp là ngọn sở trường, lại thêm mặt nạ văn minh để giúp che bề ngoài, bọn ấy thả khắp châu quận, như thả hùm beo vào trong bầy dê, chọn con nào mập béo là ăn thịt, không việc gì là không làm được.

Đó là kịch mới trong nô trường.

4.- Dân Tộc Việt Nam có một ngôn ngữ, đồng một phong tục lễ giáo, không có gì khác nhau, người Pháp chia ra Nam, Trung, Bắc 3 xu vực, thi hành cái chính sách so le để chia rẽ ra, thuật ấy đã xảo quyết lắm rồi, mà đã đủ đâu! lại lập ra chính sách “*liên bang*” ba xứ Trung, Nam và Bắc Kỳ Việt Nam cùng Ai Lao, Cao Miên, sắp hàng ngang nhau làm 5 xứ (bang) thuộc dưới quyền Hội Đồng Chính Phủ Bảo Hộ Pháp. “*Dưới chia rẽ nhau thì trên được an*”, người Pháp quen dùng thuật ấy đã lâu mà rõ rệt là chính sách “*liên bang*” đó. (Người Pháp đối với lính tập Việt Nam, có việc gì làm ra đối ngoại như hai cuộc Âu chiến v.v...lại phó thực lính Miên, Lào để phòng ngự người Việt Nam, ngày nay còn thế. Vì chuyện đầu độc Hà Nội cùng phá ngục Thái

Nguyên, vụ bạo động ở Yên Bái, các hoạt kịch trên, người Pháp rất ghét lính Việt Nam).

Đó là tấn kịch việc thống trị.

5.- Mấy năm trên, phong trào công sản từ xứ ngoài tràn vào, mà mạnh nhất là trong có người Pháp cổ động và biểu đồng tình như đệ tam đệ tứ quốc tế, bọn thiếu niên Âu học cùng phái lao động nhận làm đồng chí. Chân tướng trong ấy không rõ từ đâu đưa đến mà phần tử ưu tú cũng có người hòa theo, một lần bị bắt giam tra khảo, thôi thì khai vu chứng bầy liên lụy vô số. Trong có bọn được tha và án tình nghi, gia cho cái giây buộc “*quản thúc*”, không có quan trên cho phép thì không được ra khỏi làng một bước. Trong làng có dạy con em học a, b, c cũng bị truy tố “*dạy học lậu*” ngày kỵ đổ cúng chạp, cùng đám cưới gả có 5, 3 người bà con nhóm họp lại, nếu không trình với quan địa phương cũng bị bắt giam cứu. Trong gia đình của mình thành ra nhà ngục. Đó là chưa kể bao nhiêu kẻ làm ăn đều phải bỏ cả (kịch này ở Tỉnh Quảng Ngãi năm trước rất khổ).

Đó là thảm kịch trói buộc hạng bình dân.

6.- Xã hội phương Đông lấy gia tộc làm bản vị, triều thì thay đổi mà nền móng hạ tầng, trước sau không bị lay động, đó là đặc sắc sẵn có ở các nước phương Đông không như xã hội Âu Tây lấy cá nhân làm bản vị. Người Pháp thi hành cái xảo thuật phá hoại nền hương tộc cố hữu nói trên, phó cái tên tốt là “*cải lương hương chính*”, một làng đặt một hội đồng cùng hương

biểu, tộc biểu, các sắc mạt mới mà cái gì cũng can thiệp vào, trong làng có thu xuất một đồng tiền một hột lúa cũng phải do quan chuẩn thừa, một năm khai trích số mục như là bị tịch thu vậy.

Đó là xảo kịch phá hoại nền hương tộc.

Trên là kê đại lược, đến như nông đoàn thương đoàn cùng các đoàn khác, thường dùng quân bắt lương sung vào các đoàn đạo khắp dân trong hương thôn, lục soát hăm dọa, người nhà dân quê nơm nớp lo sợ như bọn trộm cướp sắp đến. Ngày ăn nửa bữa không no, mà đêm lại nằm ngủ không yên giấc, không biết ngày mai sẽ xảy đến những gì. Than ôi! rõ khốc hại thật!

Tuy thế, chuyện trên còn là chánh thuật có quy hoạch. Đến từ cuộc Âu chiến mở màn, Paris cái ổ nhà bị vỡ, thôi thì người Pháp ở Đông Dương này, thần kinh hoảng hốt đã bày ra trạng thái rối loạn. Đối với xứ “*Đông dương hoàng kim*” này, công phu kinh doanh khó nhọc 70, 80 năm mới được hưởng như cũng ôm trong nách, nay muốn giữ mà không giữ được, muốn bỏ lại không khăng bó. Vài ba năm lại đây (1929-1931), ngoài thì phô diễn món trang sức phẩm, mua cười trẻ con, trong thời thực hành thủ đoạn cướp đoạt, một nói rằng nghiêm trị bọn đầu cơ buôn bán chợ đen, hai thì nói “*cổ lệ dân gian sanh sản*”, thực ra lũng đoạt (tóm thu) tất cả sinh kế trong dân gian, cướp đến bữa cơm hằng ngày cho đến nhà nông có lúa mà không được chứa để phòng ngừa năm đói, kẻ không gạo có tiền mà không biết

mua ở đâu, sanh mạng mỗi người tại trong buổi mai buổi chiều, dân tình rất là xôn xao. Hành vi như thế, không gọi là chính sách, chỉ là hành động rối loạn, như con chim cùng thì mổ bầy, con thú cùng thì cắn bầy.

Song le, thế lực sở hữu của chúng ở đây như trên đã nói, đúng ra việc đối ngoại phòng thủ thì không đủ, mà dùng để tiêu trừ người Việt Nam tay trắng chửi không thì có thừa. Bởi vậy, hiện người Việt Nam ngày nay, trừ đám quan trường được chúng nó phù thực, giá áo túi cơm làm như bầy sê ở nhà, tự phô đặc kể. Ngoài ra phần đông như cá ở trong nồi nước sôi, như chim ở rừng cháy, trong cái thảm ách lửa hồng nước ngập, lòng trông mong có người đến cứu vớt, không hện nhau mà ai nấy vẫn đồng một mối chân tình. Đó là việc không cần dấu điểm gì nữa.

Vả lại trên kia tôi đã nói *“tế thuốc hồi sanh”* đó, không chỉ phương thuốc kinh nghiệm cứu giúp dân tộc Việt Nam trong thời cấp bách không thể chờ đợi lâu được, mà đối với con đường trật tự mới Đại Đông Á đương tấn hành, cũng là việc cần cấp *“trừ cái ác phải tận gốc”* (trừ ác vụ tận) cũng là bài thuốc không thể thiếu được.

Xin nói lý do:

Hiện trạng Việt Nam đối với xu thế tân trật tự Đại Đông Á lợi hại thế nào?

Theo chỗ tôi suy trắc mà không lầm, thời Đại Nhật Bản đối với xứ Đông Dương, không dùng võ lực mà chỉ dùng thủ đoạn ngoại giao với chiến cuộc hiện thời, có những điều lợi, trước tai mắt mọi người, không phải nói vu:

1.- Lục quân viễn chinh Đại Nhật Bản, chỉ dùng cái chiến thuật mượn đường nước Ngu dâng dành nước Quắc (giả đạo ư Ngu dĩ phạt Quắc) thắng xong mấy xứ thuộc địa Anh: Mã Lai, Tân Gia Ba, mau lẹ không gì sánh bằng, khiến cho quân địch vội vàng sảng sốt, không kịp phòng bị. Hoàng quân thu hoạch những chiến thắng rất vẻ vang. Một điều lợi.

2.- Paris bỏ ngõ cùng ký đình chiến với Đức, nước Pháp không còn là cái nước nữa. Miền biên giới Thái Lan-Đông Dương có cuộc xung đột, người Pháp đã bày tỏ cái tướng hèn yếu, không đủ thực lực chống với Thái Lan, huống là đối với Hoàng quân. Hơn nữa cảm tình đồng chủng da vàng giữa Nhật Bản và Việt Nam đã sẵn khấn khít nhau. Việt Nam sẽ là một phần tử trong vùng thịnh vượng chung Đông Nam Á, nếu dùng binh lực đối với người Pháp như người đã té giếng mà vác đá đè lên trên, có hơn cũng bất võ, lại phòng hại đến cảm tình người Việt Nam, sao cho bằng dùng cách *“Tiếng trời không giết”* (thiên thanh bất sát), ngồi thu cái thắng trước dành phục lòng người. Hai điều lợi.

3.- Theo thẳng toán *“giao nước xa đánh nước gần”* (viễn giao cận công), trước cùng nước Đức nước Ý bên Âu Châu cùng ký

trục “*Tam giác đồng minh*”, nay Pháp đã hàng phục nước Đức vội nói bài Pháp có quan ngại với nước “*Trục*” và kêu mỗi ác cảm với các nước trung lập bên Âu Mỹ. Người Pháp lại ưa thích trang sức thể diện bề ngoài, nên gác chuyện chủng tộc màu gia trắng vàng ra sau, và tách riêng nước Pháp ra ngoài phái Anh-Mỹ, lưu một sợi tơ “**quốc tể**” thể diện trên trường ngoại giao, mượn cái chính phủ Vichy “có xác không hồn” đặt thao túng các nhà đương cuộc Pháp ở Đông Dương tự nhận trung thành với tổ quốc, muốn yêu sách việc gì cũng dễ dàng, khỏi tốn mất nhiều công phu. Ba điều lợi.

4.- Thế lực Anh-Mỹ ở Á Đông cùng các căn cứ quân sự đã bị quét sạch thì Đông Dương của Pháp, cội đất hòn đạn đó như vật ở trong tay, da đã không còn thì lòng dựa vào đâu? Đuổi chúng nó bằng cách không đuổi, chỉ là vắn đề thời gian, không cần phải hy sinh quân lính vào những nơi không đáng hy sinh. Và lại bao nhiêu thuộc địa của Pháp lần lượt đổi chủ mới, mà một giải Đông Dương nhờ có Hoàng quân nhận làm địa điểm phòng thủ chung, chủ quyền bảo hộ của chúng nó còn đứng được vững, người Pháp dầu bạc bẽo, cũng phải mang cái ơn Hoàng quân, lấy ngay Đông Dương được mà không nở làm. Bốn điều lợi.

5.- Việc binh là đạo quý quyết, kẻ tham kẻ trả đều sai khiến được trong lúc cần dùng, và nhà lương thực bên địch là chiến lược nhà binh xưa nay thường dùng. Đương giữa thời kỳ phạm

vi chiến cuộc mở rộng, ngày tháng lại kéo dài, quân địch chưa tiêu diệt, hai bên còn tương tri nhau, điều cần cấp nhất là “*quân sự hợp tác*” và “*kinh tế hỗ trợ*” mà toàn cõi Đông Dương, việc binh và tài chính còn ở trong tay người Pháp, thủ tư có phần tiên lợi. Hơn nữa, khoa binh tài chúng nó sẵn có nhà chuyên môn, được tay giúp đỡ rất đắc lực không phải như người Việt Nam tay không chán rồi, thiếu môn khoa học. “*Được kẻ thù khôn, hơn được người bạn dại*”. Năm điều lợi.

Đầy duy trì hiện trạng xứ này trong thời kỳ chiến tranh, có năm điều lợi nói trên (như Ngụy đảng nước Tần đời Xuân Thu, chủ trương hòa với mọi có năm điều lợi), thực sự hiển nhiên không chối cãi được. Tuy vậy, dưới trời không có việc gì tuyệt đối toàn lợi mà không có điều hại cùng đi cặp kè một bên.

XIN NÓI ĐIỀU HẠI

1. - Việt Nam là nước Pháp thứ hai ở phương Đông, (xem nó gọi Đông Pháp thì rõ), như kho ngoại phủ của Paris, dầm thắm sinh nở ở đấy, đã 80 năm nay, một mai mất cả chủ quyền há phải vui lòng, hai tay bưng dâng cho người khác đâu, chỉ khuất với sức mạnh đấy thôi. Bởi thế nên bề ngoài chịu nhiều đau đớn, nên giả làm bộ dáng thân thiện, mà bề trong ôm cái mộng tưởng “*Bá quyền Âu-Mỹ*” ở Á Đông không giây phút nào quên, ngày đêm cầu chúc cho Anh-Mỹ đắc thắng. Cuộc chiến tranh kéo dài, một mai quân phản công Anh-Mỹ có cơ hội tốt đập chân đổ bộ đến đất Đông Dương này thì quân nội ứng có sức mạnh như Pháp thuộc Phi Châu mở cửa rước quân Ân-Mỹ vào, đó là cái gương rất rõ ràng vậy.

Điều hại nên phòng đấy là một.

2.- Một nước đứng hàng văn minh đầu đẳng, khoa học nổi tiếng, chiến thuật cai trị thuộc địa rất là tinh xảo, mà sở trường nhất là cách ly gián, lâu nay phù thực người Lào mà áp chế người Việt Nam, không phải một ngày (có sự biến thì lừa quân Việt Nam ra trước mà để lính Man Lào ở sau. Thủa nay thường xen lính Phi Châu, lính Ấn Độ vào, không để đội quân nào toàn người Việt Nam. Phàm các nhà ngục lớn, lính Việt Nam thường ở dưới quyền chỉ huy của người Phi, người Ấn (tức người Pondichèry thuộc Pháp), thứ thì lính Man, Lào và Mọi (vì không tin người Việt). Hiện ở miền Thượng Du giáp mọi, có cái mô

dáng “*làm nội chánh gọi quân lính*”, một giải Trường Sơn cùng rừng núi Man, Lào những vùng rậm rạp chân người ít đi đến, biết đâu không phải là nơi chứa dấu quân khi đang dùng làm căn cứ quân sự chờ lúc có sự biến. Nhọt ung thư dựa sát sau lưng làm hại không nhỏ.

Mối hại đáng phòng đấy là hai.

3.- Cái cách phản diện tuyên truyền, dụng tâm rất khôn khéo, như Tướng Pháp hiện dần nhập với quân Anh-Mỹ (De Gaulle, Catroux v.v...), nhà đương cuộc Đông Dương bề ngoài vẫn gọi là “*đảng nghịch bội phản*”, mà thực là tuyên dương thanh thế, tỏ cho công chúng thấy người Pháp chúng có hậu thuẫn hùng cường và anh hùng cứu quốc, xoay đổi thị tuyến dân chúng, nhứt là bọn trung với cơm áo và phái trẻ tuổi cạn lòng không khỏi bị lầm.

Đấy là điều hại thứ ba.

4.- Trong khoảng mới khai chiến với Đức, có một số lính Việt Nam sang Tây đến lối ba vạn (sau còn mộ thêm, vì có hai tuần đã ký đình chiến, nên số mộ sau được thả về). Sau đình chiến rồi, toàn số mộ binh Việt Nam còn ở bên Pháp, hóa làm lính làm thợ, làm nông hay nghề nghiệp khác, và sung vào đội quân Đức, hoặc theo đảng đầu nhập quân Anh-Mỹ. Hiện ở dưới hiệu cờ chúng nó, lẽ cố nhiên bọn lính mộ đó phải theo lệnh trên, trải qua một lần huấn luyện, đã thành đội quân cảm tử đi xe lanh và đường quen, ngoài ra người Việt Nam sang du học và

làm việc còn bên Pháp cũng đông, *“tên ở trên dây cung không bắn cũng không dặng”* (thỉ tại cung thượng bất đắc bất phát).

Đây là mối hại thứ tư nên phòng.

5.- Hiện ở Đông Dương này không có cái gì là chính sách giống như chúng nó cũng không có làm được việc gì. Duy có phò thực bọn đầy tớ, bóc lột dầu mỡ nhân dân, ngoài ra hằng ngày tuyên truyền thánh kinh *“Vichy phục hưng”* cùng các trò chơi thể thao vận động, đoàn hướng đạo, đua xe đạp, đá banh, đánh vợt, thường ngày cổ lệ với phái thanh niên bên Pháp như thở một hơi lỗ mũi, xa xa cùng hưởng ứng nhau. Bọn trẻ tuổi trong nước, không có học thức, hòa theo như chạy, mua vui rước cười, được một món thưởng gì đã cho là vinh dự vô thường, không biết trời đất gì nữa. Một mai bọn trẻ tuổi bị thế lực sai khiến, biết đâu không phải là đạo quân người chợ mà chúng hòa vào nơi chỗ chết (tri chi tử địa chi thị nhân chiến).

Đây là mối hại đáng phòng thứ năm.

6.- Hoàng quân Đại Nhật Bản đè áp trên xứ này đã hai năm nay mà còn đương cái địa vị *“nửa chủ nửa khách”*, người Việt Nam vẫn băng khuâng trên con đường ngã hai *“cả Đông cả Tây”*, *“ở giữa hai bà gia khó làm nàng dâu”*. Kẻ khiếp nhược đi tới ngõ hai là quay gót, kẻ mạnh dạn cũng ném con chuột mà sợ đụng chạm đến khí dụng khác, con người Pháp thì cái ngọn che đây, kêu chọc rất là xảo quyết, nào tạo vu, nào niết ra chứng cứ

“thân Nga, xích hóa”, “bài ngoại, nhiễm loạn”, những tội danh đó muốn gia cho ai tự ý. Đó là chuyện cơm bữa thường thấy luôn.

Đối với con đường tán trật tự Đông Nam Á, trở lực ngấm ngầm ở trong, không phải là ít (nha bộ nọ có cậu thuộc viên trên bàn có quyển sách *“Nhật ngữ”*, Bộ Trưởng dò biết cho là việc đại nguy hiểm, tư trịnh thay bổ nơi khác, ngoài ra vì có *“tình nghi thân Nhật”* mà bị đổi, mang lụy, nhiều người lấy làm tự nguy.

Đây là điều hại thứ sáu.

7.- Cuộc Trung-Nhật Chiến Tranh mở đầu hai ba năm, vài Tỉnh Trung Hoa liền biên giới Việt Nam (Quảng Tây, Vân Nam), quân khí nước ngoài du nhập nội địa Trung Hoa, gởi kín chở ngầm, nẻo đường trên rất là đặc lực. Nay đường vận du quân khí đó đã đoạn tuyệt, song chính phủ Trùng Khánh cùng Anh-Mỹ và Nga cùng ký quân sự đồng minh, Ấn Độ, Úc Châu, Trùng Khánh và Tây Bá Lợi Á, căn cứ quân địch còn chưa quét sạch. Hễ có chỗ hở thì có chuyện *“ám dấn, tiềm thông”*, thường bị tàu bay quân địch oanh tạc cùng những thuyền vận tải tàu ngầm quân địch đánh chìm, những án đã phát ra là chứng thực rõ rệt. Hang kiến vỡ đê, lửa tàn cháy núi,

Đây là mối hại thứ bảy.

8.- Quyền lợi chúng nó ngồi hưởng đã lâu cùng phái trung thành mà được chúng nó phò thực, gốc rễ bám khắp các yếu điểm trong triều ngoài quận. Phái *“duy trì hiện trạng”*, bủa bộn thành hồ ra khắp nơi, vận động đủ cách, như phô rằng *“chánh*

phủ dưới quyền bảo hộ người Pháp là hợp với dân nguyện”, chính là bọn bù nhìn do giầy máy trong màn diễn kịch ấy kéo dặt sai khiến, làm cho nghe thấy xôn xao, lòng người nghi hoặc, mỗi nhiễu loạn phía sau nền trật tự mới Đại Đông Á, bọn nói trên là bọn có thể lực đấy.

Đó là mối hại thứ tám.

9.- Khoảng giữa Nhật Bản và Việt Nam có cái hào sâu cách biệt, chúng bèn nhân chỗ trống ấy, đào ngạch xây hầm, xoi bên này lấp bên kia, bề ngoài tỏ ra cái bản dáng *“không có chúng nó tất sanh ra cuộc nổi loạn”*, mà bề trong thì cái ngọn xảo *“nó chiếm điều ơn mà trút mối oán cho người khác”* như vật giá vọt cao, nó quy tội cho bọn đầu cơ mà chúng nó chính là then chốt cầm gốc cuộc đầu cơ. Nam Kỳ sẵn gạo dồi dào, nếu thông lưu dễ dàng, trong nước làm sao có nạn đói. Chúng nó mượn cơ chiến tranh và quân sự, phò rằng xe thuyền bắt dừng về việc binh nên vận tải khó khăn...Theo cách hành vi của chúng nó, lòng tham quét biển, dẫy đất Việt Nam này chẳng bao lâu sẽ thành ra ruộng đá (thạch điền), đất không sanh sản. Trong vùng thanh vượng chung Đông Nam Á mà có xứ như chậu úp dưới vòm mây đen che phủ, bóng sáng mặt trời không dọi vào, thì vùng thanh vượng chung này sao che viên mãn được?

Đó là mối hại thứ chín.

10.- Cuộc chiến tranh kéo dài, Anh-Mỹ được thắng chúng nó lấy làm sướng bụng đã phần, nếu Anh-Mỹ thua, nó cũng

viện có hợp tác với “*Trục*” vận động khêu bát, cố giữ giải đất này, áp chế nhân dân Việt Nam, quyết dành cái địa vị có sức mạnh ở trung gian. Thế là cái mục đích “*Á Châu của người Á Châu*” không sao triệt để được. “*Một ngày thả giặc để họa cả đời*” (nhất nhật tòng địch sổ thế chi hoạn). “*Trời cho không lấy, trở lại mang hại*” (thiên giữ bất thụ kỳ ương), câu danh ngôn của hiền triết phương Đông, kinh nghiệm đã lâu.

Đây là mối hại thứ mười.

Như trên đã nói, duy trì hiện trạng xứ này, vẫn có điều lợi, có lợi tạm thời trong thời kỳ chiến tranh, mà cái hại thì không chỉ ở hiện tại mà thôi, lại để mối hại về tương lai, không làm cho triệt để được câu “*thời không trở lại hai lần*” (thời bất tái lai) của cổ nhân, nên lấp đi lấp lại thay!

Việt Nam chuyên thuộc dưới một chủ quyền chân chính với bốn đại cường trật tự mới Đại Đông Á.

“*Hai mối lợi cùng cân nhau thì lấy bên nặng, hai mối hại cùng cân nhau thì lấy bên nhẹ*”, hai điều so sánh nhau như trên đã bày, tưởng không đợi so đi tính lại nhiều lần, mà nên quả quyết làm ngay đi.

Huống rần tới một bước mà đánh đổ hiện trạng xứ này, Việt Nam được có chủ quyền chân chính độc nhất hay sao?

Cuộc thánh chiến Đại Đông Á, mục đích độc nhất đã nêu bốn điểm đại cương trên con đường trật tự mới mà toàn cả dân tộc Đại Đông Á đều cùng nghe:

1.- Kinh tế hỗ trợ.

2.- Binh sự hợp tác.

3.- Văn hóa câu thông.

4.- Nội chính tự trị.

Do chỗ kiến giải của tôi mà không nên lâu thì nước Việt Nam chúng tôi có chánh phủ thống nhất trung ương tập quyền, dương có tình thế như dưới:

1.- Chủ quyền Kinh Tế, hiện ở trong tay người Pháp, riêng nói tự lực sinh sản cùng vật sản thiên nhiên người Việt Nam chỉ được hưởng 2, 3 phần 10, ăn cái thừa thãi (như 1 mẫu ruộng dân nghèo nào thuếchánh ngạch thuế tăng hạng và tỷ lệ cùng tạp thuế không kể xiết), ngoài ra cái gì cũng bị chúng nó xâm đoạt. Hiện chúng nó nhận chịu khoản cung cấp cho Hoàng quân không rõ bao nhiêu, song đều lấy máu mớ của dân Việt Nam cả. Một mai thuộc dưới chủ quyền chân chính tự trị, đói thì để ăn, khát thì để uống, sanh kế của người Việt Nam được khỏi cái khổ can thiệp và bóc lột thì sức sanh sản có lẽ tăng xấp lên, như vậy được thở cái khổ trước mắt. Huống các món thuế ngoại ngạch như xe, thuyền, bưu điện, rượu, nha phiến, kiểm lâm, thương chính, nhập cảng, xuất cảng v.v...người Việt không được biết đến, số ấy to tác biết bao, chưa kể mở mang nguồn lợi kia.

2.- Binh sự hợp tác “*như trước đã nói đối tượng không đối quân*” (dịch sủy bất dịch tốt) thì ở dưới chủ quyền chân chính

mới, những người lính đã luyện tập đều là binh mà công khai chiêu mộ bọn tình nguyện tưởng không ít.

3.- Còn việc văn hóa, trước 30 năm lúc còn bế quan tỏa cảng hải cấm rất nghiêm, mà con đường Đông học mới có kẻ hở tí ty, phong trào vừa nhón dậy, trong khoảng hai ba năm (1905-1907) bọn thiếu niên mạo hiểm chùng lên tếch sang tận xứ Phù Tang đã có số trên hai ba trăm. Vả lại Tây phương với Đông phương tình hình không đồng nhau, lễ giáo phong tục cũng khác, đường biển cách xadén ngàn muôn dặm, khoản học phí lại to kềnh mà bọn quan thần Việt Nam cùng nhà giàu cho con em sang Pháp học, cốt tìm cho được thứ “*trang sức phẩm*” là mảnh bằng tốt nghiệp. Huống Việt Nam với Nhật Bản chỉ một chiếc thuyền bởi như Đại Ô Trùng Tín đã nói “*cùng là học trò Khổng Tử*” (Khổng Tử môn đồ), tánh tình phong tục gần giống nhau, lại đồng văn đồng chủng, đồng màu da, văn hóa câu thông rất dễ dàng như nước với sữa hòa lẫn nhau, không phải như văn hóa Đông Tây như cái vuông với cái tròn trốc nghếch không ăn nhịp học tây khó học là chừng nào, cái đó dễ hiểu.

4.- Bốn đại cương trên nền trật tự Á Đông đã vạch như trên đã nói, chánh phủ Hoàng quân dưới bàn tay sắt tới một bước nữa, thì ở xứ Việt Nam này, ba đại cương trước “*binh sự, kinh tế, văn hóa*” có thể như chẻ tre, theo lưỡi dao mà đi thẳng. Duy có vấn đề thứ tư (nội chánh tự trị) danh chánh ngôn thuận, tắt tự người Việt tự động theo chỗ tôi thấy thì hiện tại

(Kiểm duyệt thời Nhật thuộc bỏ cả trang)

8.- Tế thuốc mạnh thế nào?

Điều nói dưới này đối với chương trình dự trù của Thượng quốc cùng phương châm mà Trưởng Giả toan liệu đang tấn hành, tôi là người ngoài cửa (ngoại môn hán) không rõ điều gì để ngổ không? song trong lòng đã cho là phải, nên phải nói thực không dám dấu. Nếu dùng dạng thì chọn lật lẩy, bằng không thì gát xó là tốt.

Theo sở kiến của tôi mà không lầm thì tế thuốc ấy chính bài thuốc đã kinh nghiệm trong cuộc hiện thời vì thuốc cần dùng đều sẵn có trong dãy danh y Phù Tang:

a.- Bất luận miền đã chiếm và chưa chiếm đều phái binh trú khắp, buộc quần chúng nó đều phải nạp khí giới và thoi ngũ, và đối dân nó, mộ công binh, thu cả các cơ quan giao thông cùng vận tải v.v...Đức đã ký đình chiến với Pháp mà lấy cơ quan hệ về quân sự cùng thuộc địa Pháp ở Phi Châu bị xâm, thì ngọn cay nghiệt (bắt cởi khí giới), ở Đông Dương những tấm kịch tàu lặn máy bay thỉnh thoảng phát hiện như muốn gia tội gì không thiếu chi chứng cứ. Đây là vị công phạt trong tế thuốc.

b.- Gây dầu hoặc do người Việt tự động mà Hoàng quân cùng đại biểu ngoại giao Nhật Bản can thiệp đứng địa vị điền dinh như tấn kịch xung đột ở biên giới Đông Dương, Thái Lan nằm trên, do chỗ đó nhúng tay vào như “*cầm cán búa đốn cán*

búa”, nguyên tắc không xa. Đây là vị bổ chính khu tà trong tế thuốc.

c.- Chánh phủ mới dưới chủ quyền quân chính phủ sản sinh ra như chính phủ Mãn Châu, chính phủ Nam Kinh, đã có lệ trước. Song tình thế Việt Nam đặc biệt, không giống hai gương nói trên.

Mãn Châu đã tuyệt rồi mà dựng lại là khỏi nước đã diệt mà nổi nước đã dứt (hưng diệt kế tuyệt), Trung Hoa còn có chính phủ Trùng Khánh kháng chiến mà biệt lập ra Nam Kinh chính phủ là đuổi kẻ nghịch mà giúp phe thuận (khu nghịch trợ thuận), để mục vẫn đơn giản. Còn Việt Nam một nước mất quyền đã lâu mà một giải Đông Dương, hiện ở dưới chủ quyền Hoàng quân còn có ba lớp chính phủ: Chính phủ Vichy, chính phủ Đông Pháp và chính phủ Việt Nam. Việt Nam không tham dự cuộc chiến tranh này, trên trường quốc tếngoại giao, cũng không có tư cách trung lập, mà có hai tầng thân thiện, Việt-Pháp thân thiện và Nhật Bản Đông Dương thân thiện, ở giữa trường hiệp *“dở vàng dở trắng”*, *“nửa Á nửa Âu”*, kẻ bị Giáp kéo người bị Ất lôi, lúc xoay bên tả, lúc xoay bên hữu, thành diễn ra cái hiện tượng quái lạ như cái mâm cát rơi, không nhóm họp lại thành một khối, cùng một văn tơ rối không biết gỡ mối manh thế nào. Trước trường hợp như trên, nếu không trải qua một trận sấm rung gió day, quét trừ sạch sẽ thì chính phủ tập quyền trung ương chân chính không sao thực hiện được. Mà

không có chính phủ trung ương tập quyền chân chính thì nước Việt Nam trong vùng thanh vượng chung Đông Nam Á mà gọi rằng “*nội chính trị tự trị*” không có chỗ đứng chân. Bởi thế trên kia tôi nói tể thuốc mạnh cùng như trong thơ của Trương Giả nói “*Đánh dấu chấm cuối cùng trong đoạn sử Việt Nam vong quốc*”, tức là thu hồi chủ quyền nội trị mà kiến thiết một nước Việt Nam mới vậy.

Theo sở kiến của tôi, đối với vấn đề trọng đại này, những người chân chính ái quốc trong nước càng một số ít có tri thức vẫn nhận là sự hy sinh không thể tránh được, song chỉ gánh phần là sự thôi còn vị thuốc đứng đầu trong tể thuốc mạnh nói trên thì ngoài Trương Giả ra chưa có ai thay thế. Đương giữa thời kỳ Đông Nam Á chiến tranh này, như kế hoạch dự định của Trương Giả đã được Thượng quốc tán trợ. Hoàng quân đồng tình và các nhà chính trị ngoại giao, theo ở trong mà chủ trì mưu mô thắng toán đã có thực lực đi kèm ở sau, thì danh chính ngôn thuận, nên có tiếng gọi người mở đường đi trước, tức là lấy tư cách “*Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội Hội Trưởng*”, tuyên bố lịch sử “*Phục Quốc Hội*” cùng tôn chỉ mục đích trên sử phương Đông gọi là “*kể tội đến đánh*” (thanh tội tri thảo) cùng “*ra quân có danh*” (sử xuất hữu danh) tức là lời thề lúc xuất sứ và hịch quân lệnh.

Đại Ý:

(Đoạn này cốt nói người Việt Nam tự động, nay ngày mồng 5 tháng 3 Hoàng quân Đại Nhật Bản làm thay cho cả nền lược trích).

“Cuộc bang giao Pháp-Việt căn cứ theo Hòa Ước 1884. Chính phủ Việt Nam nhận nước Pháp làm nước Bảo Hộ, có giao hảo với nước nào phải có nước Pháp đồng ý, còn chủ quyền nội trị của nước Nam chính phủ Pháp cùng tôn trọng không được xâm phạm đến...Tờ hòa ước cùng ký, nét mực chưa ráo, người Pháp đã không làm đúng theo lời ước lại trước tự ý dầy vò đoạt cả chủ quyền nội trị của chính phủ Việt Nam. Tự dụng nhân hành chính, lập pháp lý tài, cho đến trong dân gian, một sợi tơ, một hạt lúa, không cái gì không can thiệp và tước đoạt. Chính phủ Việt Nam dưới quyền người Pháp, không hiểu quyền lợi được hưởng đã định trong hòa ước là cái gì, cam lòng vứt bỏ, tha hồ chúng muốn bỏ ai dặt ai tự ý, con cháu Hồng Lạc, bầm với cá với thịt, đất nước chìm ngấm, dân sinh khô héo, đến ngày nay dân cùng của hết, cả nước kêu van, còn sống buổi mai không biết đến buổi chiều, không biết theo đâu.

Nước nhà gặp nạn, trời đất mở lòng, kẻ bất tiểu này, nhờ công gây dựng của tổ tông, ôm cái chí nguyện nói giống cạnh tranh đường sống còn, đau lòng nhức óc, lấy việc rửa cừu phục quốc làm gánh mình phấn khởi, trước đây 30 năm, trận Nhật-Nga Chiến Tranh (1904) đã tin chắc Nhật Bản là nước tân tiến phương Đông, sẽ là vị ân nhân độc nhất giải thoát cái khổ ách Âu, Mỹ cho các dân tộc da vàng Á Châu sau này, cùng một và bạn Đồng Chí mạo hiểm vượt biển tểch mình sang tận nước Phù Tang cầu cứu viện

và nhờ giúp quân khí, như Thân Bao Tự, tôi nước Sở, sang khóc sân Tần mà xin quân cứu viện. Trời không dứt người, nhờ Trượng quốc giúp đỡ một nhóm quân Ấp Luân của Vua Thiệu Khương lo khôi phục nền Nhà Hạ (Nhà Hạ bị Hậu Nghệ cướp nước, Vua Thiệu Khương nương một ấp nhỏ nhỏ mà phục quốc), ba ngàn quân Việt ở núi Cối Kê (Nước Việt bị nước Ngô chinh phục, Câu Tiễn nương náu ở Cối Kê, sau diệt Ngô trả thù), thề quyết đánh úp nước Ngô mà trả thù, nằm gai nếm mật sức chỉ chờ thời, nay đã 38 năm, trong ngoài ai nấy đều nghe biết.

Nay thì, tôi người Pháp đã đầy chuỗi, đạo trời có vay có trả, cuộc Âu chiến mở màn, quốc đô Pháp Paris bỏ ngõ, nước chúng nó không tự bảo được, còn ai bảo hộ ai? Đồng thời cuộc chiến tranh Á Đông bùng ra, Thiên Hoàng một giận đứng dậy, Anh-Mỹ bị xua đẩy, Hoàng quân đến đâu, lần lượt quét đến đây. Nước Việt Nam ta cùng các dân tộc da vàng Á Châu ở trong vòng trật tự mới, kẻ bất hiếu này, trên vị thần linh tô tôn, miếu xã dưới vì hai mươi triệu đồng bào, mừng rằng mình được làm một phần tử trọng yếu nước Việt Nam trong vùng thanh vượng chung Đại Đông Á. Lấy Phi Châu thuộc địa Pháp làm gương (mở cửa rước quân Anh-Mỹ) không nỡ ngời nhìn Tổ Quốc chòng theo dấu xe úp ấy, hiện phục quốc quân đã tổ chức, mài gươm chùi súng, chứa sức đã lâu, nay mai sẽ dong thẳng về nước, vì hai mươi triệu đồng bào tổ quốc hỏi tôi người Pháp, tuyên cáo thế giới, tiêu thủ Hòa Ước Pháp-Việt 1884, khôi phục chủ quyền Việt Nam độc lập, xoay lòng trời theo ý

dân, đổi nước cũ ra mạng mới, cùng nước Đại Nhật Bản đế quốc, đồng lòng hiệp sức với các dân tộc Đại Đông Á, chen vai thích cánh cùng nhau bước trên con đường độc nhất “vùng thanh vượng chung trật tự mới Đại Đông Á”.

Vì thế, nay có lời tuyên cáo này trong nước cả truyền đã quan, dân, sĩ, thứ, Hoàng tộc, giáo dân, công, thương, nông, binh, các giới, sớm rõ đại nghĩa, bỏ cũ toan mới, đuổi tà về chính, ai vì tổ quốc giúp sức, sẽ được ghi công tưởng lục. Bằng như chấp mê không chịu giác ngộ, hòa kẻ nghịch làm điều ác, quân trời sẽ không dung thứ. Luật quân rất nghiêm minh, công thì thưởng, tội thì phạt không riêng tư ai. Hiện Pháp kiều các giới đã lương thiện, biết nhận điều ác của chính phủ chúng nó đã thi hành ở đây, ăn năn đổi lòng quy thuận, Phục Quốc Quân không thềm nhớ cái ác đã qua, xem như kiều dân khác, nên ai bội nghịch sẽ nghiêm trị không tha. Lời bố cáo này thảy đều nghe biết”.

Than ôi! Trùng Nhĩ ở ngoài 19 năm, số đã cấp bội, Nhà Hán gặp ách vận 6, 7 đời, nay đến thời trung hưng. Chúng chi nên thành, dân mượn quạt kia che bụi, lòng người xiên về bóng sáng, chờ xem mặt nhật lại trửa.

Lời tuyên cáo trên nếu được Thượng quốc các nhà đương cuộc cùng đại biểu ngoại giao đồng ý, nhằm thời nào thích đáng mới phát bố, hoặc thêm bớt hoặc trích dịch ra Pháp văn, Nhật văn và đăng:

a.- Báo Nhật Bản, vì Thượng quốc là trung tâm tối cao vùng tân trật tự Đại Đông Á.

b.- Báo Nam Kinh Trung Hoa, vì gây quan hệ trên lịch sử, cảm tình Hoa Việt rất đầm thắm.

c.- Báo Thái Lan, vì đời Cao Hoàng trung hưng, có tính quan hệ giữa Xiêm-Việt, các công thần Vọng Các, quốc sử ghi chép rõ ràng và Thái Lan là nước tự chủ láng giềng.

d.- Hoặc trực tiếp hay gián tiếp gửi cho chính phủ Pháp Vichy.

e.- Hoặc trực tiếp gửi cho chính phủ Đông Pháp và Nam Triều.

g.- Trong ngoài in truyền đơn tùy tiện phát bố.

(Nếu các chỗ trên đều phát bố một trật càng tốt). Lời tuyên cáo trên sẽ có ảnh hưởng như dưới:

1.- Sau lời cảnh cáo xem xét chúng nó ứng phó thế nào đặng biết hành động của chúng.

2.- Khiêu ngại quan niệm ghét kẻ cừu, nhờ nước cũ, tăng nhiệt độ ái quốc lên.

3.- Trong cách vô hình, ngấm ngầm xoay cái thành kiến “khuyh tả” của một phái, chuyên chú tầm con mắt vào hiện cuộc Quốc Gia và Đại Đông Á.

4.- Bọn thành hồ hiện trung với miếng cơm túi áo, biết có điều đáng lo ở sau lưng, có chỗ kiêng nể, không dám ngang dọc cả gan làm điều quá ác như trước.

Đến khi nhúng tay vào thì miền Nghệ-Tĩnh, Nam Ngãi là thích hợp, vì xứ sản xuất cách mạng. Di Dân ngoan với Nhà

Châu, trung với Nhà Tống còn sót một ít, song hiện thời linh tính rời rã, chưa có phần tử trung kiên, tôi xin nói thực không dám che dối, e làm đến việc nước.

Tôi vốn không phải chuyên nghề thầy thuốc, mà nói nghề thuốc, vẫn tự biết là vu khoát, song đã từng nghe câu nói của danh nhân Tô Đông Pha:

“Tôi dâng lời ngụy cũng như nhà danh y dùng thuốc, thuốc vẫn do tay thầy thuốc dâng lên, mà phương thuốc thường là tự người xưa truyền lại, nếu phương thuốc thường đã kinh nghiệm trên đời thì không cần là tự mình sáng chế ra”.

Đây là thuyết mãnh tể của tôi vậy.

Vả chẳng muốn gieo giống lúa tốt, trước phải dầy đất cỏ, muốn mở đường lớn, trước phải dọn dẹp gai gốc, mà muốn cho có đứa con tốt, lẽ cố nhiên là không sao tránh cơn sanh đẻ đau khổ. Xưa nay phàm cuộc đổi cũ thay mới mà dung dưỡng kẻ gian làm lối lây lất, phục quốc một cách dễ dàng, thường để lại lắm chuyện rắc rối về sau, cái đó không lạ gì, chỉ vì gây cái nhân “bất, triệt đế”, nên hưởng cái quả “bất triệt đế” đấy thôi. Bởi vậy nên nói “nội chánh nội trị” không thể trông mong vào “hiện trạng Việt Nam” ngày nay. Tôi đã trông trước xem sau, nghĩ kỹ xét cùng mà sau mới bày tỏ, chứ không phải là lời cao luận đầu.

Tuy vậy, phàm việc gì cũng cần phải có thực lực chớ không phải đem tiếng trống suông mà làm đặng kia chúng nó thủ đoạn đã cao cường xảo quyết và có những cái thế quyền lực sẵn có,

quý kẻ sẽ thò ra lung tung, hoặc dùng cách che lấp theo ngọn sở trường mượn có *“trưng cầu dân ý”* (hiện dân Việt Nam, vì nhiều cơ chưa có thể phát biểu công ý được, nếu người Pháp yêu cầu như thế nên cự tuyệt và bác khước hẳn đi, không thì trúng phải mưu lừa phỉnh của chúng) hoặc niết tạo ra cái giả diện bề ngoài *“nhiều loạn trong nước”*, đăng tỏ rằng không chúng nó thì không có đàn áp mỗi loạn, để làm cho phần đông nghe thấy sanh ra lầm lạc, đại khái như:

a.- Lính tập với binh dân xung đột nhau.

b.- Biên giới Man Lào cùng miền các đất mọi rục rịch khuấy rối.

c.- Bọn tranh hồ cùng quân vô lại ngấm ngầm ở trong xúi dục.

d.- Trộm cướp kiếp lược trong lương thôn v.v...

Những mỗi nhiều loạn nói trên, ở đâu cũng có thể dốc sử gây ra tấn kịch rắc rối. Bởi thế nên *“bắt chúng nó lột khí giới cùng “đặt hiến binh nhiều nơi”* là nước cờ trước tiên, không thể thiếu được.

Bước đầu tiên trong cuộc nội chính trị.

Nước Việt Nam được độc lập ở dưới chủ quyền chân chính thì nước cũ mạng mới, cán gươm Thái A ở Tây, ấn đuổi búa đi, đại cương kiến thiết, đã có chương trình *“tân trật tự”* Đại Đông Á mà Thượng quốc đã dự trù, tùy tài thích dụng, chiếm chỗ dật dã, hướng đạo sư do Phù Tang đào tạo lâu nay, há không phải đã tính đến ngày nay sao? Nên tôi không dám bàn phẩm. Duy

phần chính đồn nội chính, cùng bước đầu thu phục nhân tâm thì trên lịch sử phương Đông có vài cái gương đời trước dâng làm gương cho việc sau:

1.- Trừ hà pháp Nhà Tần cùng dân ước pháp 3 điều (trừ hà pháp ước pháp tam chương) [ba điều giết người phạm tử hình, làm người bị thương và trộm cướp bị tù tội] đây là nước cờ Hán Cao Tổ diệt Nhà Tần, dựng nghiệp Nhà Hán.

2.- Làm trái ngược lại (phản kỳ sở vi) [khuyên Cao Tổ làm trái chính sách của Hạng Võ] đây là nước cờ rất ổn thỏa diệt hạng Võ lấy phần thắng cho Cao Tổ. Lời khuyên của Hàn Tín.

Trên là vài tân chính khởi đầu, lấy đơn giản thay pháp luật phiền phức, lấy chân chính đối ngược chính, ở giữa thảm ách *“lửa hồng nước ngập”* mà được cái chân chính *“cởi giày treo ngược”* thì cá đua về vực, chim chui về rừng, tự nhiên có cái xu thế không vơi mà đến, sấm sét mưa móc, đều dày vào trong ấy, mù sào khói thảm, trở hóa ra ngày sáng mây từ, đã làm một phần tử trong vùng thanh vượng chung Đại Đông Á, dầu có mưa dầm gió dập, Thượng quốc Phù Tang, có để nước Việt Nam ra ngoài nhà lớn che chở ấy sao.

Tổng Kết

Nói đã quá dài, rơm rác đầy trên mặt giấy, thấy là điều trên và mười năm nay, tai nghe mắt thấy, ghi nhớ trong não, cùng do hoàn cảnh tiếp xúc, suy nghiệm và trực giác mà gộp lặt, tạp nhạp lộn xộn, không có mấy may tính chất khoa học, càng kéo càng dài mà tư tưởng còn nhiều mỗi chưa nhả hết. Cầm bút đến đây sức nhớ Cụ Sào Nam lúc mới đáp chân trên đất Nhật Bản (1906), có một ít văn kiện quan yếu, lược trích vài câu, thay lời tổng kết:

1.- *“Rời đất một tiếng khóc đã từng biết nhau, mắt đọc sách mười năm thành nhà thông gia”* (lạc địa nhất thanh khốc tiện dĩ tương tri, độc thư thập niên nhãn toại thành thông gia).

Lúc mới đến Hoành Tân, đưa danh thiếp cùng bức thư cho Lương Khải Siêu Âm Bằng Tiên Sinh (danh nhân Trung Hoa, sau cuộc *“Mậu Tuất Chính Biến”* sang Nhật Bản làm chủ Tân Dân Tùng Báo), nhờ Lương giới thiệu với các nhà yếu nhân dương đạo Nhật Bản, trên là một câu thống thiết trong bức thư đưa cho Lương.

2.- *“Chim con mất ổ, khách qua đường thấy mà nâng niu, trẻ con té giếng, người trông thấy ra tay cứu vớt, huống 20 triệu đồng giống đương khát khao chờ trông kia”* (số điều thất sào, hàn giả vị

chi noãn dục, nhủ tử nhập tỉnh, kiến giả vị chi thủ viên, hướng nhị thập triệu ngao ngao đãi bô chi đồng chủng tai!).

Trên là câu mở đầu bức thơ dâng lên Bá Tước Đại Ôi Trùng Tín thủ lãnh chính đảng và nguyên huân Nhật Bản. Câu ấy tỏ tình cấp bức, cả tiếng kêu cứu vội gấp không chờ đợi lâu được và nước mắt cũng tuôn theo tiếng kêu...

3.- *“Qua rồi có lại, đạo đời dương giữa bể hết thái sang, có mãi không buông, lòng người cầm cả quyền thời trời lợi đất”* (vô năng bất phục, thế đạo dương bi chung hái tử chi xung, hữu khuất tất thản, nhân tâm ống địa lợi thiên thời chi bình).

Câu mở đầu nói đại cuộc thời thế.

4.- *“Thịt đứt miệng tham, quả hùm beo kia nào chán, lửa lan nhà lớn, e bày sể hầu bị thiêu”* (nhục hạm hung hào, quả sài langchỉ nan yểm, hỏa diên đại hạ, bi yếu tước chi tương phán).

Câu này tả tình trạng nguy khốn trong nước.

5.- *“Rửa cái nhục năm mươi năm nô lệ, đừng để nhóp trên sử xanh, dựng cái nền muôn ức thuở thăng bình, chỉ tin cậy nhau nơi lòng đỏ”* (tẩy ngũ thập niên nô lệ chi tu, vô ô thanh sử, tạo ức vạn thế thăng bình chi nghiệp, sở thị xích tâm).

Trên là câu kết khuyên người trong nước.

Trên trích trong bài *“Kính cáo quốc dân”* (năm 1906), câu giữa và câu kết 3 câu.

Ba buổi mai ngày xuân xin chúc lành (Tam triêu cốc dân, kính chúc hường hy)

Thơ này viết xong và gửi vào ngày 1 tháng 1 năm Quý Vị (5 tháng 2 dương lịch năm 1943), ngày ấy người xưa gọi là ba cái buổi mai sớm,: Buổi sớm ngày, buổi sớm tháng và buổi sớm năm, nghĩa là ngày mới tháng mới năm mới.

Lời Bạt

Bức thư này nguyên thảo bằng chữ Hán, viết xong và gửi tại ngày 1 tháng 1 năm Quý Vị Âm lịch (5.2.1943) trước Tiếng Dân bị đình bản gần 3 tháng (28.4.43) và trước cuộc đảo chính (9.3.45) trên hai năm.

Trong hai năm đó, đối với thời cuộc, tôi có cái nghĩa cụ nghiêm giữ bí mật, chưa tiện công bố. Nay thời cuộc thay đổi mau chóng [\[2\]](#), tháng khác mà năm cũng không đồng. Đồng nhân nhà in Tiếng Dân cùng một và bạn tương tri, khuyên tôi dịch bức thư này ra Quốc văn đăng ấn hành, lưu tấm ảnh phản chiến về thời kỳ ấy và cung một món tài liệu cho nhà sử ngày sau.

Nể ý các bạn nói trên, tôi tự xét đời sống sót sau vận kiếp này, không làm gì bổ ích cho đời, chỉ lưả cái trách nhiệm con con là nhà học giả đối với quốc dân, không dám không gắng. Và chẳng, có bức thư này với trạng thái trầm muộn trong thời kỳ hai năm trước cuộc đảo chính, có thể bỏ một vài chỗ thiếu cho bức thư trả lời chung [\[3\]](#) mới công bố đây.

Vì cứ nói trên nên tôi cho phép nhà in Tiếng Dân ấn hành [\[4\]](#).

Biết tôi chẳng? Hay lại tôi chẳng? Người sau tự có tâm nhân, tôi không thể biết chỗ đó. Chỉ mong bạn đọc xác nhận bức thư

này thuộc về thời dĩ vãng, không phải chỉ vào hiện tại và tương lai, thế là đủ.

Thuận Hóa ngày 16 tháng 6 năm 1945

Minh Viên lai ghi

Chú Thích:

[1] Trương Hoàng Phạm, người nước Tống, làm tôi quân Hồ-Nguyên, đem quân đuổi diệt vua tôi nước Tống, lúc chạy núp ở Nhai Sơn. miền biển Tỉnh Quảng Đông, có khắc bia chạm mấy chữ “Trương Hoàng Phạm diệt Tống ở đây”. Trần Bạch Sa danh nhân đời Minh, đề bài thi có câu trên tỏ lòng đau đớn cho cái thảm kịch “giống nòi hại nhau”.

[2] Tức cuộc đảo chính 9.3.45.

[3] Sau cuộc đảo chính Nhật ở Đông Dương ngày 9.3.45, Cụ Huỳnh Minh Viên vẫn giữ thái độ bình tĩnh, lại không nhận lời mời của người Nhật và chánh phủ đương thời ra tổ chức Nội Các, nên anh em xa gần khó hiểu thái độ Cụ đối với thời cuộc, hằng ngày có không biết bao người tới nhà riêng Cụ hỏi dò ý kiến, khiến Cụ không thể trả lời riêng từng người một, phải có “Bức thư trả lời chung” hay là “ý kiến tôi đối với thời cuộc”. Sau đó nhà in Tiếng Dân có xuất bản đề là “Ý kiến Cụ Huỳnh Thúc Kháng đối với thời cuộc”.

[4] Năm 1946, nhà in Tiếng Dân có lấy một đoạn trong bức thư này in thành sách.